

PHẬT-GIÁO HỘI
ASSOCIATION BOUDDHIQUE

ĐUỐC - TUỆ

TUẦN BÁO RA NGÀY 1^o VÀ 15

Báo quán ở chùa Quán-Sứ N - 73 Rickaud, Hanoi



Chủ-nhiệm : Nguyễn-năng Quốc
Chánh hội trưởng hội Phật-giáo
Quản-lý : Cung-dinh-Bính

Chánh chủ-bút : Phan-chung-Tiêu
Sư cụ chùa Bàng-ô
Phó chủ bút : Dương-vân-Hiền
Sư cụ chùa Tế Cát

GIÁ BÁO : Cả năm 1\$50. Nửa năm 0\$80. Mỗi số 0\$07.

QUI TINH PHƯƠNG DANH CÁC VỊ
CÔNG ĐỨC ĐÃ CÙNG VÀO VIỆC LÀM CHÙA
TRUNG ƯƠNG

Bà Phạm thị Hợi 32 Hàng Áo cũ Hanoi.	15\$00
M. Vương hữu Rung 40 Voie 1 Thái hà ấp.	20.00
Bà Lê thị Na ở làng Thụy Khuê	1.00
Vô danh ở Phố Hàng Đàn 18 Hanoi.	5.00
Thiện Nghiệp Bồ-Tát ở Phố hàng Mắm Hanoi	1 00
Bà Trần thị Diêu ở làng Thịnh-quang	1.00
» Trần thị Thu	1.00
» Phạm thị Trạch	1.00
» Đinh thị Thâm và Trần thị Phụng Hanoi	1 00
» Trần thị Thân ở làng Thịnh-quang	1.00
» Nguyễn thị Hữu	1 00
» Trần thị Mục	1.00
» Trần thị Sáo	1.00
» Trần thị Chay	1.00
» Trần thị Kim	1.00
» Ngô thị Yên 36 Phố Nam-tràng	1.00
» Nguyễn thị La và Bà Thuần Hanoi	1 00
Hiệu Diệu Hoàng ở làng Quan-nhân	1.00
M. Nguyễn đình Liên	1.00
M. Nguyễn huy Viễn	1 00
Bà Nguyễn thị Đen	1 00
» Kinh Bắc	1.00
» Đề Văn	1 00
» Hạp Nghiêm	1 00
Cụ Thủ-Kiểm	0.50
Bà Kỳ Thược	1.00

(còn nữa)

Nhà Phật-học nước Mỹ nói về đạo Phật Trung-quốc

(tiếp theo)

Thuyết về những pháp môn thập trụ 十住, thập hành 十行, thập hồi hướng 十回廻, thập thiền định 十禪定, thập địa 十地, thập Kim cương 十金剛, thập nhân 十忍, thập nguyện 十願. Ngài lại trở về cung trời Mâu ni ở thủ la thiên cung. Thuyết về pháp môn tâm địa 心地 mà Lưu-xá-na-Phật đã thuyết. Ngoài ra trăm nghìn ức Đức Thích ca khác cũng lại như thế.

Bấy giờ Đức Phật Thích-ca Ngài định quán thấy Ý-la tràng nhân 繡羅幢因, những Đại phạm Thiên vương, Ngài bèn thuyết các thế-giới nhiều cũng như những mất lưới. Từng mỗi thế-giới một, đều không giống nhau mà liệt lượng lại không khác nhau. Pháp môn của đạo Phật cũng lại nhiều như thế. Ngài lại từ cung Thiêu-vương xuống đến cõi Diêm-phù dưới gốc cây bồ-đề, vì hết thấy chúng sinh trên mặt đất này, Ngài thuyết hết thấy đại thặng giới của chư Phật, 10 trọng giới, 43 khinh giới. Chư Phật Bồ-tát đều từ đó ra. Các Phật-tử nên phát tâm đại dũng mãnh, bèn vực cho những tịnh-giới như hạt minh châu chớ tới khi thành tựu bồ-đề.

Đó là giáo-ngĩa của đại thặng chánh tông, do đức Thích ca hiện thân thuyết pháp ra, thực đủ khấn cho người ta phải cảm sâu đến. Tuy có những cái cách giới bản thông ngoài ý nghĩ của người ta đã hiện ra đó, cũng hơi giống như kinh Paáp-hoa không khỏi mở cái lối cho Ấn-độ-giáo (Hinduism) lẩn vào dần dần, song đủ khiến cho những người trông thấy nghe thấy những sự uy thần ấy mà phải sinh ra cái lòng từ bi hỷ xả, từ niệm bất thoái, cái lòng nghiêm tịnh từ bi, kiên nhẫn tinh tiến, cho đến đời trước vai, đời đầu đầu đề cúng Phật mà cũng không ngầu

ngại. Như thế thực là lòng đại nguyện hăng hái, thẳng tắp cõi bồ-đề. Chớ nên phép diễn giáo tuy mỗi môn mỗi khác mà cũng về một lý ma thôi. Có thể hiển ai cũng phải sinh ra cái cảm-tình đồng một đạo thể, một lòng đại từ bi vậy.

XI. KHÔNG TÔNG

Sau khi đức La-thập đã dịch kinh Phạm-võng đề cảm-hóa cho quần sinh, thì liền lúc bấy giờ. Người lại dịch các sách luận về Không tông để phân tích giáo lý, như sách Thành-thực luận của ông A-lê-bạc ma (Harivarman) làm ra, lấy cái nghĩa Ngũ-tụ, tứ-đế (五聚, 四諦) để hiểu tỏ về hai cái nghĩa Nhân-không và Pháp-không. Tác-giả cho rằng, theo về nghĩa thế đế mà bàn, nhân thấy có Ngũ-uẩn nên nói là « có người », nhân thấy sắc thanh sức vân vân... nên nói là « có cái bình ». Nếu lấy nghĩa đệ-nhất đế mà xét thì chẳng phải như những cái sắc vân vân... là cái bình, chẳng phải lia những cái sắc vân vân... mà có cái bình nào khác. Như thế tức là chẳng phải Ngũ-uẩn là chúng sinh, chẳng phải lia Ngũ-uẩn mà có chúng sinh nào khác. Ấy cái nghĩa Nhân-không là thế đế. Lại những cái sắc vân vân... gọi là cái bình kia và tất cả các phép về Ngũ-uẩn đều là giả danh cả. chứ chẳng phải là thật có. Ấy cái nghĩa Pháp-không là thế đó.

Vi Phật dạy các phép là vô-thường, khổ-không nên vô ngã, vạn vật, do mọi duyên hợp lại sinh ra không có bản tính nhất định, nó chỉ có tên gọi và ghi nhớ đó mà thôi. Duy có bài luận này tuy hiểu rõ về « hai nghĩa không » nhưng nói cũng vẫn còn có ý chấp, cho nên vẫn là thuyết về tiểu-thặng. Nếu tìm đến chỗ lý giải cao siêu thì trong các thuyết bản về nghĩa « chữ không » không thuyết nào vượt hơn những thuyết trong sách Tam-luận-tông (Madhyamaka School) của ông Long-thụ (2 sách Trung-luận, thập-nhị-môn luận của Long-thụ và sách Bách luận của Đề-bá là Tam-luận. Thêm sách Đại-tri-độ-luận của Long-thụ

nữa là Từ-luận). Ông Long-thụ cho thuyết Thành-thực chấp về nghĩa « không », thuyết Tỳ-Jám Abhidharmakosa (Tỳ-đàm là tương đối câu-xá là tạng) chấp về nghĩa « có ». Hai thuyết đều chưa rút hết ý cố-chấp, cho nên ông bèn làm ra bài luận đề phá cả những cái nghĩa « không với có », lia bỏ hai cái ý-kiến thiên lệch mà theo về nghĩa trung-đạo của Đại-thặng. Trong sách Đại-trí-độ-luận (Mahadrajna. Paramita Sastra) nói rằng : « cái nghĩa không của Nhị-thặng (tiểu-thặng), đáng gọi là **đồng không** Cho nên cái nghĩa không ấy là **hất-chính** ».

Lại nói những danh-tượng của thế-gian đều có đối đãi, vừa mới nghĩ tới cái không thì có ngay cái có nó đối lại mà thực tướng của nghĩa chân không, vượt qua cả những nhờ nói, ý nghĩ, tuyệt không còn có cái gì đối-dãi nữa. Cho nên sách Trung-luận (Madhyamaka Saetra) mở đầu nói ngay rằng : « Chẳng sinh cũng chẳng diệt 不生亦不滅 chẳng thường cũng chẳng đoạn 不常亦不斷. chẳng một cũng chẳng khác 不一亦不異. chẳng lại cũng chẳng ra 不來亦不出. Ai thuyết ra được nhân-duyên ấy thì người ấy diệt hết được mọi nghĩa nhàm. Vậy xin cúi đầu lễ Phật, đệ nhất là thuyết này ». Ấy cái nghĩa « bát bất 八不 tám chẳng » như thế, chính là đề trừ bỏ hai cái ý-kiến thiên-lệch mà làm rõ rệt cho đạo Trung. Nguyên Phật-giáo buổi đầu vốn là cầu thoát khỏi những điều thiên-lệch về thị-phi, Đức Thích-ca thuyết lúc bấy giờ ngài đã không đề cho thiên về cái luận thực-thể là cái luận quá chất-phác, ngài cũng không đề cho thiên về cái luận hư-vô là cái luận hay hoài nghi. Ngài đem cái nghĩa **bất thường bất đoạn** để mở mang tri-kiến chân chính cho người ta bước vào cõi Phật, chừa cảnh Nạt-bần là nơi hết sự nói năng, chân tâm yên lặng. Nơi không phải là kẻ trí giả tầm thường có thể nghĩ ngợi tới. Thế thì biết rằng đạo Phật từ buổi đầu đã gây có cái mầm về Trung-đạo, đều như phân biệt thế nào là tương-đối, tuyệt-đối, thì trong những kinh tạng Ba-ly đã chép nhiều rồi, lại

có đủ những luận điệu về chân-đế (Paramarth Sacca) và tục-đế (Sammiti Sacca) mà ông Long-thụ bàn ra.

Vậy thời ông Long-thụ thật là hết sức nghiên cứu phát-huy đề lập cái cơ-sở cho phái Không-lòng mà dạy cho người ta biết tới cái nghĩa chân không tức là tuyệt đối. Công đức ông thật là lớn-lao thay. Sách Trung-luận có nói rằng: « thực-tướng của chư-pháp, hết cả nghĩ ngợi nói năng, không sinh cũng không diệt, vắng như «oĩ Nạt-bàn» ».

Sách ấy lại giải thích về nghĩa vạn-pháp trong vũ-trụ rằng : « Bối mọi duyên sinh ra, pháp chẳng có tự tính, chẳng tự-tính nên không, như bút con giã mã.

Đó tức như cái nghĩa trong kinh Kim-cương đã nói : « Hết thấy hữu vi pháp, như mộng, huyễn, bọt, bóng, như xương mọc và diệt, đều coi như rửa cả ».

(còn nữa)

D. N. T.

BÀI DIỄN-GIẢNG TẠI CHÙA CHÂU-LÂM

*hội Phật-giáo tỉnh Hà nam đọc ngày hôm mồng
một tháng bảy nhuận năm Mậu dần.*

Diễn giả : Sa-môn Thanh Chân tức môn nhân
cụ Giám chùa Hương-Tịch, trụ trì chùa
Quỳnh - chân, huyện Duy-Tiên, Hà nam

Nam mô A-Di Đà Phật,

Kính bạch các Tổ cùng đại đức tăng, ni thanh chúng.
Kính bhum cụ lớn Chánh hội trưởng cùng liệt quý tôn chức
Thưa các giáo hữu.

Hội Phật giáo ta sở dĩ lập nên cốt nhất là sự truyền
giáo cho mọi người, ai cũng hiểu được thấu « chân lý »
của đạo Phật, kể từ xưa đến nay, biết bao là diễn giả
đã nói vấn đề « Chân lý của đạo Phật », nay ngu tôi xin
nhắc lại, có chỗ nào khem khuyết, các ngài phụ thêm cho.

Thưa các ngài :

« Chân-lý » đạo Phật thuộc về tuyệt đối, nói nhỏ thì không có cái gì xen lẫn vào trong mà phá được, mà nói lớn thì không có vật gì ở ngoài mà bao quát được. Nếu đem cái đạo lý ấy mà khu-xử ở chốn gia-dinh thì gia-dinh sẽ có trật-tự, nếu lại đem cái đạo lý ấy thì hành trong thiên hạ tức thiện-hạ được hòa bình an lạc, vậy cái đạo chân-chính ấy bao giờ cũng chỉ có một, dù ngàn muôn năm không hề thay đổi, vì cái « đạo-lý » ấy gồm hết muôn nẻo mà cao vượt ra ngoài vũ-trụ cho đến cả vạn vật cũng không vượt khỏi cái phạm-vi ấy ; vả cái thể-lý ấy rất tằm tằm không hay hiền-hiền. Người ta ai muốn hiểu thấu cái chân-lý ấy, phải dụng nhiều công phu mới được. Khi ai đã thâm hiểu được rồi, lúc ấy trong lòng mới vu-du khoáng-lạc, chính đấy mới giả lại cái công phu lúc trước cho nên nhà « Nho » có câu rằng :

• Chính kỳ nghị bất mưu kỳ lợi, minh kỳ đạo bất kế kỳ công », nghĩa là : việc nghĩa cùng mỗi lợi có ý cùng trái, mà cái « đạo lý » cùng công phu thì bao giờ cũng đi đôi với nhau ; ngày nay, bên lảng-già ta học đạo xuất thế cầu lấy « minh tâm kiến-tính thành Phật », trên các cụ thực đức, đem hết tâm trí tu, luyện học tập, đã thấu triệt cùng tận tâm lý của Phật-tổ, cho nên đạo Phật nước ta suy đồi đã lâu, thế mà các chốn thờ ở mọi nơi, vẫn còn có các bức tước đức, khai tràng thuyết pháp, khùng phù đạo Phật ở thời đại mạt pháp này, các cụ ấy chính là cái « chỉ trụ » lúc đời ba vậy, nay lại nhờ có các quan cùng các nhà danh-sĩ trong nước đã hồi tưởng đến đạo Phật, cho nên mới dựng thành hội « Chấn-hưng Phật-giáo » như thế đủ biết đạo Phật nước ta đã có phần hưng-thịnh, may ra tiền đồ Phật-giáo mới ngày một xương minh ; vậy các Sư thanh-niên ta, cũng phải đem hết tâm-trí tinh-tiến dưỡng-mãnh về sự học tập, thì sau này mới có thể giữ được « tôn-phong tổ-sun », hoằng pháp lợi sinh, cái chức-trách ấy là nhờ ở các ngài cả, song tôi cũng tự trách tài thiển trí

ngu, kể sự học cũng có công phu rèn tập, không đến nỗi lười biếng, như học Nho cũng hai thầy, đều là bực chân Nho, như cụ Tú-Vỹ Bát-tràng và cụ Cử Địch Đồng-bào, và lại tham-thuỳn cũng hai thầy như Nghiệp-sur cụ Thọ chùa Hương, giáo-sur cụ Thọ chùa Sở, hai cụ đều là bực pháp sư có danh-đức, trong khoảng ấy tôi cũng hết sức dùi mài nghiên cứu, trong bụng tôi lúc nào cũng đề-tưởng rằng: « Dẫu chết mà hiểu được đạo-lý, còn hơn sống mà không hiểu một chút gì ! » Nhưng đạo-lý cao-huyền, mà căn tính chắt-õ, vậy nay anh em các Sư ta, đừng thấy hèn mà khinh bỏ, ta nên biết rằng : thân người ta bốn-đại-dã thành năm ấm tạm họp, sống không được là bao, mà cái giá, cái chết, nó đã chờ sẵn ngay bên cạnh, ấy thế ! hỏi rằng : chẳng học tập, chẳng tu trì, chẳng cầu lấy « Minh-tâm kiến-tính thành Phật, một mai quý vô-thường xua đuổi, hỏi còn có phương pháp gì mà ngăn khỏi », song le « Minh-tâm kiến-tính » trong kinh Lăng-Nghiêm nói rằng : Tính thị Phật, Phật thị tính, tâm thị Phật, Phật thị tâm, tâm tính bất ngoại hồ tâm tính », nghĩa là Phật mấy tâm tính của ta cũng là một, nhưng cần phải chân tính như như, Phật tâm bất loạn, nếu mà còn loạn và động tức không phải « Minh và kiến » vậy.

Thưa các ngài, đoạn trên tôi nói : « Đại-thể chân-lý của đạo Phật », dưới đây lại xin kể một chuyện, để cống-hiến các ngài thích-lãm, ý rất sâu xa, mà nhời thoá thiện » câu chuyện này trích ở trong kinh « Hiền-ngu » mục đề là « Hải-thần-nạn vấn » tức là ông Hải-thần với một giới sư-bà-tắc vấn đáp.

Trong kinh nói rằng : « Một khi Phật ở thành Vương-xá, thuộc nước Xá-vệ cõi Trung-ấn-độ, bấy giờ trong nước có chừng năm trăm người đi buôn bán, một hôm cùng nhau bán bạc định vào bể xét tìm thứ ngọc rất quý, trong lúc đàm luận có người nói rằng : ta tuy nhiều người, mà trong bọn anh em không có ai thông đường tổ lối sự vào bể thời làm thế nào ? muốn vào bể trước hết phải tìm một người biết đường thông tắt dùng làm hướng đạo cho

chúng ta thời có nhẽ vào bề được hoàn toàn tính mệnh vì trong bề có lắm sự nguy-biễm phi thường, và chúng ta lại lạ lòng bỡ ngỡ nữa ! Bàn xong mỗi người đi một ngả để tìm người làm hướng đạo ; trong khi tìm kiếm, chợt gặp một ông cụ đã thụ-giới ưu-bà tặc để dùng làm đạo-sư, bởi người ấy đã hiểu thấu được các nhời Phật thuyết ; khi vào bề, ông Hải-thần hiện ra bình « Quý-đạ-Soa », bình rất xấu xa, dáng mạo đen xám, miệng rộng nanh dài, trên đầu có lửa, lời thuyên hợn khách, buồn ấy lại hỏi rằng : « cõi nhân-gian có ai bình dáng ghê gớm hơn ta không ? mọi người trong thuyền đều sợ hãi, duy chỉ có giới-ưu-bà-tặc ấy lấy tâm « Vô-ngã-tướng » để đáp với ông Hải-thần rằng :

— Ở cõi thế-gian còn có không biết bao nhiêu người ghê gớm sợ hãi hơn nhà ngươi, ông Hải-thần ngạc nhiên lại hỏi, thế thì cõi đời có tướng gì sợ hơn tướng ta nữa không ? — Có người ngusi làm mọi-sự bất thiện : nào là sát hại sinh linh, nào là trộm cắp gian dâm, nói dối lừa dối chiền, miệng dữ nói thêu dệt, chìm đắm trong bề tà-kiến kẻ ấy lúc chết, phải vào địa ngục, chịu không biết chừng nào là khổ sở, lại bị quỷ ngu đầu, quân ngục-đốt hành hạ cùng cực : nào là mổ bụng moi tim, nào là quăng vào vạc dầu, xe lửa, không biết chừng nào là ghê sợ ấy cái ghê sợ đó có thể gặp mấy hình tướng nhà ngươi, ông Hải-thần nghe xong lại buông thuyền cho đi, thuyền đi được vài dặm, ông Hải-thần ấy lại hiện ra một người thân thể gầy gò, gân xương trơ trọi, lại lời thuyên ấy lại hỏi rằng : « cõi nhân-gian có ai gầy hơn ta không ? ».

— Bực hiền-giả ấy lại đáp : cõi thế-gian này có người kẻ gầy gặp trăm nghìn nhà ngươi kia ! — Hỏi : ai là người gầy hơn ta ? đáp : có người ngu-si tâm tính tệ ác tham lam ghen ghét, không bố-thí, không làm phúc làm duyên, tới khi mệnh dọn sa vào đạo ngã quý, miệng cao dạ giốc, chả mấy khi được trông thấy hạt cơm ngụm nước, đói khát khổ sở, kẻ ấy kẻ sánh với nhà ngươi có lẽ còn gầy gầy mấy, nghe đoạn lại buông thuyền ra cho đi, thuyền đi được lúc lâu, ông Hải-thần ấy lại nhỏ lên hóa thành một

người, hình dáng sinh đẹp. lời thuyền lại hỏi rằng : « cõi nhân-gian có ai đẹp hơn ta không ? » — đáp rằng : « cõi nhân-gian này thường thường có người đẹp gấp trăm nghìn nhà người kia ! » — Ai là người đẹp ? — Nhưng người hiền hậu hay làm mọi sự phúc thiện, giữ gìn thân, khẩu, ý, tin kính ngôi tam-bảo cúng dàng bố-thí, người ấy tới khi mệnh thác, sinh ngay lên cõi giới làm tiên, thánh, nếu giáng xuống cõi trần được sinh làm con nhà vương-hầu, hình dung sinh đẹp không biết chừng hạn nào, người ấy đem so sánh với nhà người, ví như nàng tiên đứng với con khỉ vậy, đoạn ông Hải-thần lại lấy tay múc một ít nước dơ lên hỏi : « nước ở bề nhiều hay nước ở trong lòng bàn tay nhiều ? » bực hiền-giá ấy lại đáp rằng : nước trong vốc tay nhiều. -- Lại hỏi : « sao lại có nhẽ ấy được ? »

-- Đáp : thực thể người không biết ! vì tới thời gian mà có hai mặt rời mọc ra thì tất đuối, nguồn, ao, chuôm khô cạn, đến khi có bầy mặt rời mọc ra tất bề phải khô, vì bề cho nên nước bề nhiều mà hóa ít ! còn vì sao nước bàn tay ít mà hóa nhiều ? Thí dụ, có người bằng lấy lòng tin người đem một chút nước dâng cúng chư Phật, hoặc cúng dàng tưng, hoặc dâng cha mẹ, hoặc bố thí cho kẻ cùng khát, nước công đức ấy trải bằng nghìn muôn kiếp chẳng hay hết, ông Hải-thần nghe xong hơn hỏ vui mừng, lấy ngay một viên ngọc tặng ngay cho giới-tru bà-tắc ấy, lại gửi thêm một viên ngọc « Ma-ni bảo-châu » để cúng dàng Phật, bấy giờ mọi người đã tìm được nhiều ngọc rồi, mới giở về nước, cùng nhau đến chỗ Phật, quý giới chẳng tay mà bạch Phật rằng :

— Lay đức Thế tôn, lũ chúng con xin đem mệnh về quy y Phật, Phật vì bọn đó nói Pháp, hết thầy chứng được đạo quả.

Ấy xem câu truyện trong kinh Hiền-ngu này đã biết người ta cần phải trừ bỏ tam độc và tam nghiệp, bởi tham, sân, si đứng đầu mọi tội, cho nên Phật hiện ra cõi đời, chế ra kinh, luật, luận cốt để dạy răn các tín đồ nhà Phật, bỏ tham sân, si, giữ thân, khẩu, ý thì mới bỏ chốn thấp tới chốn cao, vượt cõi phàm vào ngôi thánh vậy.

TỨ - Y

« Y THEO BỐN PHÉP CHÍNH »

Khi ta nghe thấy một điều gì câu gì trông thấy một vật gì sự gì ta cần nên phải để ý suy xét kinh nghiệm cho thấu đáo triết đề mọi lẽ hay giả phải trái đã, rồi sẽ tin theo thì mới mong hưởng những sự lợi ích an lạc được: Nếu cứ thấy đâu ăn đấy, người nói làm sao bảo bao làm vậy, tin nhầm theo cáo, thì không những là vô ích mà lại còn phải chịu không biết hao điều đắng cay khổ sở buồn bực âu sầu nữa, cho nên Phật thuyết pháp thường chú trọng giảng các đệ tử rằng muốn tu hành đắc đạo, cần phải theo bốn phép như sau đây, thì mới mong tránh khỏi đường tà, hiểu thấu đạo chính được.

Những gì là bốn phép

- A. — Y theo pháp chứ không nên y theo người.
- B. — Y theo nghĩa lý chứ nên y theo lời nói.
- C. — Y theo nghĩa lý rõ ràng không nên y những nghĩa mờ hồ ám muội.
- D. — Y theo trí tuệ chân chính chứ không nên y theo sự thấy biết giả dối ở ngoài.

1. Thế nào là y theo pháp chứ không nên theo người, nghĩa là : không nên phân biệt kẻ trên người dưới, kẻ sang người hèn, hễ ai có phép chân chính mẫu nhiệm giảng bảo khai hóa cho mình giác-ngộ, mình hiểu rõ được sự hay sự dở, điều phải điều trái, rồi mình y theo đó mà làm, mà tu hành cho giải thoát hết mọi sự đau đớn khổ sở thì mình theo, tức như Cổ nhân nói: học bất si hạ vấn nghĩa là học mà hỏi người dưới mình không nên lấy thế làm sâu hỏ, cũng như viên ngọc học trong nắm đê rách, người có trí tuệ, muốn lấy viên ngọc kia thì không hề có e lệ khinh bỉ nắm đê đó, miễn là được ngọc là quý, chứ những kẻ ngu si kiêu ngạo tật đố ghen ghét, chỉ thấy bề ngoài không chịu xét kỹ, đã vội khinh bỉ không thêm ngó tới thì quyết không bao giờ biết được viên ngọc quý hóa ấy.

Cho nên ta có câu Phương ngôn rằng : « chùn đất Phật vàng » lại có câu rằng : « tốt gỗ hơn tốt nước sơn, sấu người đẹp nết còn hơn đẹp người » sách nhỏ có câu Thánh nhân bắt dĩ nhân phữ ngôn, không nên coi người mà vất bỏ lời nói phải, người xưa được nghe lời hay bèn cúi đầu kính lậy.

Trong Kinh Kim-cương Phật nói rằng : nếu người nào cứ lấy sắc tướng mà thấy ta, lấy giọng tiếng mà tầm ta, tức là người ấy là làm theo đạo tà không bao giờ thấy được như lai, bởi vì lòng còn mê muội không hiểu không biết chính lý, không thấy được pháp thân của Phật, nếu cứ thấy 32 tướng tốt đẹp nhận là Pháp thân của Phật thì vua Chuyển luân thánh Vương cũng đủ 32 tướng, cũng là Phật hay sao ??? nếu lấy giọng tiếng rju rằng trong trời, nhận là pháp thân, thì con chim Ca lăng tần già kia giọng tiếng rất tốt, nó cũng là pháp thân hay sao ?

Ngài Ưu-ba-cúc-đa ngày xưa giả ngồi tu thuyền định ở trong rừng, có bọn Ma-vương xuống quấy nhiễu, lấy chuỗi hoa quàng vào cổ ngài khi ngài đứng dậy thấy chuỗi hoa ở cổ, ngài lại nhập định xem ở đâu đem lại, ngài biết là bọn Ma ba tuần đem đến nhiễu ngài, ngài bèn lấy phép thần thông lấy ba cái sác chết đã hói thối quàng vào cổ con Ma nó cứ bám chặt lấy không thể nào mà giữ ra được. Con ma sợ hãi quá về cầu cứu khắp cả mọi nơi không ai giúp được, sau có người bảo hãy giờ lại phải đến quy y sám hối ngài tôn-giả thì ngài sẽ xá cho lễ bái, con ma nghe lời lại đến lễ bái khóc lóc kêu van rằng : Kính lậy tôn-giả xin ngài mở lòng thương xót, cho con xin lỗi, con đã trót dại làm xúc-não ngài xin ngài từ bi hi xá cho, ngài tự bỏ cái thây chết ở trên cổ con.

— Người phải giao ước với ta điều gì thì ta sẽ tha ra, cho được giải thoát.

— Con xin phát nguyện từ nay con không dám xúc các vị tử-khưu tu đạo.

— Nay Phật tịch đã lâu, ta chỉ được thấy pháp thân Phật mà không trông thấy được sắc thân, người có thể hiện ra được không ?

— Rất rõ song khi ngài thấy ngài dừng lễ, bởi vì Phật là bậc đủ trí tuệ, con đây chỉ hiện thân thôi, còn chờ lễ.

Khi ngài cho trút được thầy chết trên cỏ đi rồi, một chốc con ma hiện lên một vị đủ hết mọi tướng-trang nghiêm uy nghi chỉnh túc, hào quang chói lọi, coi không chán mắt lại có cả ngài Xá-lợi-Phất, ngài Mục-kiền-liên, ngài A-t-nan cùng các vị đệ-tử đi hầu hai bên.

— Khi tôn-giá trông thấy hoảng hốt tưởng Phật thật bèn đứng dậy lễ bái khen nấy khen đề.

— Con ma sợ hãi, vội vàng ngăn đi nói : Ô hay, ô hay chết chửa sao ngài không nhớ nhời ước.

Tôn-giá tỉnh ra đáp rằng : Ta lễ đây là lễ Phật chứ không lễ ma, cũng như gỗ đá cho chí vàng ngọc đem làm tượng Phật, người ta đều nên cung kính lễ bái cúng giàng. Song kính là kính Phật lễ là lễ Phật chứ không phải là chỉ cung kính hình tượng cả, xem thế đủ rõ là muốn tin theo một tôn giáo một học thuyết, một chủ nghĩa gì, thật không phải là lễ, nếu không dò xét cho tới cùng nguyên cực về tinh thần giáo-lý của nó cứ nhắm mắt theo liều, thì cái sự thiệt hại không những chỉ đời mình phải chịu đời này phải chịu mà còn lại phải bao nhiêu đời về sau cũng cứ phải chịu cái di họa ấy mà không biết đến bao giờ mà thoát khỏi được, cũng ví như người bị thuốc độc dịch tả nó lại truyền nhiễm cho cả con cháu họ hàng thân thích cũng bị lây, vì thế nên Phật dạy cần phải y theo đạo chính.

2.) Y theo nghĩa lý chân chính chứ không nên theo ở lời nói.

Phàm như nghe ai nói ai bảo mình câu gì, nghe xong cũng phải suy xét kỹ càng tự mình hỏi mình 5 lần 7 lượt xem có đúng nghĩa lý chính đáng không đã, nếu hơi còn hoài nghi một lý một tí cũng phải hỏi phải xét cho thật hết mọi

nỗi hoài nghi đó rồi sẽ tin theo, như có người bảo người ta và hết thấy muôn vật ở đời là do giới hay tạo hóa tạo sinh ra, vậy giới với tạo hóa là một hay là hai mà vạn vật tức là một danh từ rói gồm hết thấy muôn loài muôn giống vào trong không còn có gì ngoài số đó, chứ không phải chỉ riêng từ số một đến số một vạn như ta biến các đồ vật, nếu theo như cách biến số tính, từ một trở đi cho đến một vạn thứ khác nhau thì còn ngoài số một vạn ấy ai tạo ra ai sinh ra ? nếu nói chung cả thế-giới và tạo hóa cũng ở trong số đó, không sinh ra tạo hóa. Ở Ấn-độ có một phái ngoại đạo thờ giới đất và muôn vật ở thế-gian đều do ở ông trời tự tại sinh ra cả, nếu nói thế thì vô cùng, vậy ai sinh ra trời tự tại, mà trước khi chưa có trời đất, muôn vật cũng là người ta, thì thế-giới này có hay không ? nếu bảo có thì không phải trời tự tại sinh ra, bởi vì có trước rồi, mà bảo không thì trời tự tại đứng vào đâu mà sinh ra, vả lại ở đời bất luận làm gì cũng phải có nguyên liệu, cũng như người ta thổi com tất phải dùng gạo, nước, lửa, vung nồi, củi rác vân vân, may áo tất phải dùng vải lụa kim chỉ giao kéo mới thành được. Vậy thử hỏi khi trời tự tại muốn tạo ra giới lấy gì làm nguyên liệu, tạo ra giới tạo ra đất lấy gì làm nguyên liệu làm ra đất ? cho chí vạn vật thì lấy gì làm nguyên liệu làm ra ? mà trời tự tại có hình-tướng hay không có ? nếu có tất phải có cha mẹ, đã có cha mẹ tất phải có ông bà, giờ lên mãi mãi không biết đến đâu mà là cùng tốt được, mà bảo không có hình-tướng chi hết, đã không có hình-tướng làm sao lại làm ra các loài có hình-tướng được ? mà tạo ra giới đất và muôn vật để làm gì ??? để cho các loài đó tranh dành giết gióc, sâm chiếm tàn sát lẫn nhau hay sao ? nếu đã gọi là trời tự tại muốn làm gì được theo như ý ngay, thế sao không tạo thuận những sự hay, sao lại tạo ra lắm sự giờ để làm gì ? nếu bảo những sự giờ đó là do người ta tạo ra, thì không đúng, nếu người ta đã tạo ra sự giờ được, thì người ta cũng có thể tạo ra sự

hay được, nếu thế thì tội thế giới vạn vật vạn sự ở đời là người ta với giới tự tại cùng tạo, chứ không phải hoàn toàn là giới tự tại tạo ra. vả lại hiện nay chúng ta chỉ thấy người đẻ ra người, trâu bò đẻ ra trâu bò, cho chí con sâu cái kiến giống nào nở ra giống ấy, không thấy mấy khi người đẻ ra trâu bò, trâu bò đẻ ra người bao giờ, bọ cò khi người ta sinh ra một người hơi khác, người ta đã cho là quái thai, không ai công nhận là giống người nữa, mà nếu người ta do giới tự tại sinh ra, thì giới là cha người ta là con trời, thế sao không gọi người ta là giới mà lại gọi là người? thành ra khác giống, còn như các loài súc vật cũng bảo giới sinh ra, đã sinh ra thì nó cũng lại là con giới bởi vì nó cũng là giòng giống trời. thì người ta với loài động vật cùng là anh em cùng một cha sinh cùng có tri-giác, cũng biết mừng giận thương vui yêu ghét, ham sống sợ chết, thế mà sao giới đã sinh ra sao không giết bảo các con mà lại để cho chúng giết hại lẫn nhau, ăn thịt lẫn nhau, người ăn thịt súc vật, súc vật như hổ báo cắn rết, ruồi muỗi đĩa cùng các loài thú giữ chùng độc thường thường ăn thịt cùng là hút máu mủ người, như thế thì người cha toàn trí toàn năng ấy há lại không biết cái hại ấy sao? chớ là ngu dại lắm sao, làm sao lại sinh ra các con như thế, mà tạo thành thế giới này để làm gì, sinh ra con ấy để làm gì mà không cứu người đối với loài vật ăn ở bất công, ngay cùng một loài người đối đãi với nhau, cũng không thấy chi là bình đẳng cả, phần nhiều cả vú lấp miệng em, lớn ăn hiếp bé, sang khinh giẻ bèn, người sướng vô cùng, kẻ khổ như ngục. người ăn không hết kẻ lần không ra, vậy trời đã có tài sinh có quyền thay đổi sống chết ở tay, thế sao không răn bảo các con, nhất là gần đây khắp thế giới đông tây các nước đều thi nhau chế tạo các đồ để giết nhau, bể nước nào giết người giỏi cho là văn minh tiến bộ thế thì cha đâu không ra mà ngăn cấm đi, lại cứ để cho họ giết nhau mãi như thế, mỗi ngày chết hàng vạn hàng triệu

người, lại còn chết về bệnh tật, giới lại làm cho chỗ thì đại hạn, chỗ thì lụt lội, chết đói chết khát, không những thế giới lại còn sinh các chất độc sinh ra tính liêu mình để cho họ tự tử, lại còn làm cho người ta già đi mà chết nữa, nên cứ mãi như thế này lấy ai mà ở, nếu quả người ta và vạn vật do giới sinh, giới là cha, người cha như thế thì còn gì là nhân từ là đạo cha con, không mảy mà chết hết, thì còn lấy ai mà thờ kính trời nữa.

Cứ xét đại khái những lẽ kể trên đủ rõ là cái thuyết trời sinh ra là không đúng.

3. Y theo nghĩa lý rõ ràng không nên theo nghĩa mơ hồ, ám muội, người học đạo phải tùy theo trình độ căn khí của mình, lựa trọn các kinh sách những nghĩa lý mình hiểu thấu mà tu tập dần dần tiến lên, cũng ví như người đi xa tất phải từ gần, lên cao tất phải do từ thấp, vì thế mà Phật thuyết pháp cứ tùy thời tùy cơ, tùy căn tính chúng sinh nói ngang nói giọc nói ngược nói xuôi đủ tám vạn bốn nghìn pháp môn, mỗi pháp môn một khác, song tới chỗ riệu dụng đều là để giác ngộ cho chúng sinh tỉnh ngộ cả, cũng ví như ông thầy thuốc cũng chỉ vì chúng nhân có nhiều bệnh không ai giống ai nên mới phải chế ra nhiều bài, song cũng đều là chữa cho khỏi bệnh cả, giáo lý của Phật cũng thế, Phật chỉ sợ hiểu lầm nên mới phải giảng theo phép tứ Tứ-ý này làm cốt yếu, phải biết lựa trọn chớ nên tin nhầm theo càn, cũng như đức Khổng-tử nói : biết thì nói là biết, không biết thì nói là không biết, thế là người biết.

Vậy thì bây giờ cách Phật đã sa, giáo lý của Phật giảng ít người khai hóa giảng diễn chỉ bảo cho rõ ràng, tà thuyết mỗi ngày một thịnh, lòng người càng ngày suy biến, vàng thau lẫn lộn, nếu không chịu suy xét cho thấu đáo những nghĩa lý chân chính, vừa vào lễ Phật quay ra thấy tà ma yêu quái cũng lại tôn sùng tin ngưỡng, đến khi bị hại lại hối hận rằng : Phật

không cứu hộ, chính trong kinh Phật thường nói không cứu Phật mà lễ Phật, tức là báng Phật, bởi vì không biết Phật, tưởng Phật cũng như các vị thần thánh ma quỷ khác cũng giáng phúc giáng họa tốt lẽ rẽ kêu như đối với quan tham lại những đề cho người đem lòng khinh hủy đạo Phật, cho người khác sắp muốn theo đạo Phật vì đó mà lại không theo.

Vì thế nên Phật cho là báng Phật.

4. Y theo trí-tuệ chân chính không nên theo sự thấy biết giả dối ở ngoài, giáo lý của Phật giảng cốt phải tu hành luyện tập sao cho thấy rõ được tâm tính chân thực chắc-chắn, nên cần phải lấy trí-tuệ làm cốt yếu, còn sự thấy biết ở bề ngoài nó chỉ là cái vọng thức hay làm cho mờ ám tâm thức làm cho đọa lạc khổ sở, như mắt thấy sắc đẹp thì làm cho tâm say mê ưa muốn, thấy sắc xấu làm cho tâm chán ghét buồn giận, tai nghe tiếng hay sinh hoặc lời hót nịnh, lòng ưa muốn kiêu căng, nghe tiếng phê báng trách móc sinh lòng căm tức hờn giận oán thù, cho chí mũi lưới, thân ý cũng đều như thế cả chúng sinh chỉ vì sáu căn nhiễm chước với sáu trần gây thành nghiệp báo ràng buộc đời đời cứ phải ở trong vòng luân hồi sinh tử mãi mãi, không biết kỳ nào thoát, ví như lũ con ông trưởng giả ở trong nhà cháy mà vẫn cứ nô đùa hờn hờ không biết chỉ là sợ hãi là nguy hiểm, chỉ vì không trí tuệ, chỉ biết ham mê sự vui chơi đời của người ta ở hiện nay cũng thế, ngọn lửa tham dục biểu ra lửa chiến tranh, khắp người ta ở trên quả đất hiện nay chính là ngồi trên đồng lửa cả không thể chánh đầu cho yên ổn được, bay lên hư không thì mắc lầu bay tạc đạn, lặn xuống dưới bề mặt thủy ngư lôi, ngồi trên mặt đất bị địa lôi phục lại còn hơi ngạt thuốc mù điện quang đại bác, cái thân người nay thực không khác chi như bột nước, như sương mai, như chiêm bao, như chớp dật, vụt còn vụt mất thực không có chi là chắc chắn vững vàng lâu giải cả.

Vì thế nên Phật giầy cần phải nhậu rõ chân tình; muốn rõ được chân tình phải trừ hết vọng tưởng ở ngoài cũng ví như đi xe ngựa, nếu xe không đi cứ đánh cái xe mãi mà không đánh con ngựa thì có ích gì đâu, mà lại còn bị mệt, bị người ta chê cười; là người ngu si không có trí tuệ, đánh cái xe dục cái xe tuy vô ích song cũng còn là biết, biết nó không đi thì dục thì đánh, chỉ vì cái biết đó không phải là người có trí tuệ, không biết tới được đến nơi đến chốn, chỗ đánh không đánh lại đánh chỗ không như thế có phải là nhầm lẫn không? vì thế nên Phật giầy muốn biết được chân lý, được sự thực cần phải y theo 4 phép kể trên đây mới mong chánh khỏi những sự giả dối lường gạt được. nếu ai ai cũng đều hiểu rõ bốn phép này thì tà thuyết nhầm nhối buôn hoặc nhân-tâm ở đời không cần phải bài trừ mà tự nhiên tiêu diệt.

Trí - Hải

VIỆT-NAM THIỀN-TÔNG THỂ-HỆ

(tiếp theo)

Đời thứ mười bốn (Phái Ti-ni-đa-lưu-chi)

Tăng thống Khánh-hỷ 慶喜 (khuylết 3 người)

Tăng-thống Khánh-hỷ Thiền-sư trụ trì chùa làng Từ-liêm, Vĩnh-khang. Người, quê ở làng Cồ-giao, Long-biên, nhà họ Nguyễn là họ vốn tu pháp hạnh. Thừa còn nhỏ Người đã tuyệt bỏ những thức ăn hành tỏi. Lớn lên theo học sư cụ Bản-tịch 本寂 chùa Chúc-thánh. Một ngày kia theo thầy đi đến nhà đàn-việt, giữa đường Người hỏi thầy rằng :

— « Thế nào là ý của tổ-thiền ? »

Lúc ấy chợt nghe có tiếng trống phụ đồng ở trong một nhà kia, Bản-tịch bèn nói :

— « Khác gì cái cách « Thánh ớp đồng » kia.

Khánh-hỷ thưa :

- Hòa-thượng cứ nói đùa.

- Không, tôi không nói đùa mà.

Bản-tịch-sư dạy thế, Khánh-hỷ không hiểu bèn nói với thầy xin đi nơi khác học. Đến tham cụ Biện-tài chùa Vạn tuế. Cụ Biện-tài hỏi :

- Ông ở đâu đến đây ? »

Khánh-hỷ đáp :

- « Con ở nơi thầy con là sư cụ Bản tịch.

- Cụ Bản-tịch cũng là một vị thiện trí-thức ở miền ấy đấy mà, Người đã có dạy cho điều gì chưa ?

Cụ Biện-tài hỏi lại thế, Khánh-hỷ thưa :

- Con thờ sư cụ con đã lâu năm rồi, mà hỏi gì sư cụ con cũng không bảo nên con phải đi.

Cụ Biện-tài hỏi :

- Thế hỏi câu gì ?

Khánh-hỷ bèn thuật lại câu hỏi và lời thầy nói trước. Cụ Biện-tài nói :

- Thế là sư cụ Bản-tịch Người dạy đạo cho ông đấy, chớ nên dận thầy mình mới phải.

Khánh-hỷ-sư đứng đang ngẫm nghĩ, thì cụ Biện-tài nói :

« Ông không thấy có lời rằng :

達時遍境是, Đạt thời biến cảnh thị,

不悟乖乖蹊, Bất ngộ vớ vớ quai sơ.

(Khi đã ngộ đâu đâu cũng đấy,

Lúc chưa thông nào thấy chi chi.)

Khánh-hỷ-sư bèn chợt tỉnh ra và xin trở về với thầy cũ.

Cụ Bản-tịch hỏi :

« Ông đi học đâu mà đã về trông thế ? »

Khánh-hỷ sư lấy xuống, bạch rằng :

« Khánh-hỷ con phạm tội nói xấu Thầy mình nên con xin sám hối ».

Cụ Bản-tịch nói :

Tội lỗi nó là cái vốn không, chẳng có tính tướng gì thì còn phải sám-hối làm gì.

Khánh-hỷ-sư thưa :

— Thế nào con cũng phải xám-hối mới được.

Cụ Bản-tịch mới ưng cho. Từ đấy Khánh-hỷ-sư thường cùng hai vị tăng là Tịnh-nhơn và Tịnh-như cùng nhau trực liền bên cụ Bản-tịch. Một hôm cụ Bản-tịch bảo các ông rằng :

— « Các ông học tôi đã lâu ngày, nay các ông thử nói những điều mình đã hiểu để tôi xem ai tiến tới thế nào ?

Hai vị tăng Tịnh-nhơn và Tịnh-như vừa đang trực cất lời thưa thì Khánh-hỷ-đọc ngay hai câu kệ rằng :

一 點 在 目, Nhất 點 在 目,

空 花 亂 墜. Không hoa loạn trụ.

(Mắt hơi có tí mọng, không hoa rụng rơi).

Cụ Bản-tịch nói :

— Thế là thầy Khánh-hỷ tranh được thuyền rồi.

Khánh-hỷ-sư nói :

— Con dùng thuyền làm gì.

— Để cho kẻ nhanh chẹn khỏi phải tìm đường đi xa. Nhưng thầy chỉ giải thoát được việc bên này còn việc bên kia thì còn lơ n ở.

Cụ Bản-tịch nói thế, Khánh-hỷ-sư thưa :

— Dù thế cũng là nó cả.

Cụ Bản-tịch hỏi :

— Thế thầy có thể bước đi cao hơn trên cái càn cầu trăm thước được không ?

Khánh-hỷ-sư giơ hai tay lên mà rằng :

— Chẳng biếm nghèo gì, chẳng biếm nghèo gì.

Sư cụ nói :

— « Thôi hãy tha cho »

Từ đó danh tiếng Khánh-hỷ Thiên-sư vang lừng khắp các tông-lâm, khoảng năm Thiên-chương Bảo-tự 天彰寶嗣 1133 đời vua Thần-tông nhà Lý, Khánh-hỷ Thiên-sư bị triệu vào cửa khuyết, vua khen lời lâu hợp ý vua, vua phong cho chức Tăng-lục rồi tiến lên chức Tăng-thống. Một ngày kia có người đệ-tử là Pháp-Dong hỏi rằng :

— « Người nào biếm được lẽ sắc không không sắc thì

người ấy là phạm hay là thánh ? »

Khánh-hỷ Thiển-sur theo tiếp luôn lời hỏi đọc lên bài kệ:

勞生休問色兼空。

Lao sinh hưu vấn sắc kiêm không,

學道無過訪祖宗。

Học đạo vô qua phỏng tổ tông.

天外覓心難定體。

Thiên ngoai mịch tâm nan định thể,

人間植桂豈成叢。

Nhân gian thực quế khởi thành tông,

乾坤盡是毛頭上。

Càn khôn tận thị mao đầu thượng.

日月包含芥子中。

Nhật nguyệt bao hàm giới tử trung.

大用現前拳在手。

Đại dụng hiện tiền quyền tại thủ,

誰知丸聖與西東。

Thùy tri phạm thánh dữ tây đông.

DỊCH :

Cõi trần chi kể sắc cùng không,

Học đạo thì theo phép Tổ tông.

Tâm ngoài trời dễ tìm đâu thấy,

Quế cung trăng há xuống đầy giồng.

Nhật nguyệt thu vào trong hạt cải,

Càn khôn hiện giữa lỗ chân lông.

Đại dụng sao cho tay nắm chắc,

Nào ai thành trí ai phạm dong.

Đọc xong thì Khánh-hỷ Thiển-sur hiện bệnh rồi tịch, bấy giờ là ngày 27 tháng giêng năm Mậu-thìn, niên hiệu Đại-định thứ ba (1140) đời vua Anh Tông nhà Lý. Người thọ 76 tuổi. Người có làm một quyển Thi tập Ngộ đạo ca 悟道歌 lưu hành ở đời. Trong sách Sử-ký thì lại chép Khánh-hỷ Thiển-sur tịch năm Thiển-chương Bảo-tự thứ 3 (1133-1138). Nay để cả hai thuyết. (còn nữa)

D. N. T.

PHẬT-PHÁP DHARMA

Kỳ diệu thay ! cái trí-tuệ của loài người ! Bất luận là người Đông, người Tây, người Nam, người Bắc, người cổ, người kim hay là người hậu lai, đã là người thì ai ai cũng đều có cái trí-tuệ ấy ! (Trí tuệ, theo tiếng Phạm là Prajāa. Tầu dịch là bát-nhã 般若) nói rộng ra thì hết thảy các chúng-sinh, cho đến con ong cái kiến cũng đều có trí-tuệ ấy, vì chúng cũng còn biết nghĩa hợp quần.

Người ta có sáu căn là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý, dễ đổi với hết thảy cảnh tượng ấy ở chung quanh mình ; cảnh tượng ấy tóm lại có sáu trần là sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp. Mỗi căn đổi với một trần, rồi sinh ra sáu thức để phân biệt, ghi nhớ, sét đoán. Như mắt đối sắc, tai đối thanh, mũi đối hương, lưỡi đối vị, thân đối xúc, ý đối pháp. Người thiếu mất một căn nào, thì cái trần sở đối với người ấy, thành ra không có nữa. Ví như có người mù ngay từ trong thai, khi đẻ ra, không biết sắc trần là gì nữa : suốt đời không được biết thế nào là sắc vàng, sắc trắng, sắc xanh, sắc đỏ, sắc đen là cái chi chi cả.

Người ấy đã thiếu mất nhỡn-căn rồi, thì sắc-trần đối với người ấy thành ra không có nữa, mà cả đến nhỡn-thức cũng không. Còn năm căn khác cũng một lý như vậy.

Thế thì biết rằng người ta kết thành sáu căn ở trong bào thai, là cốt khi đẻ ra, để mà lĩnh thụ lấy sáu trần.

Trong sáu căn có cái trí-tuệ kỳ diệu đề mà hiểu thấu sét đoán sáu trần cho thực đến chốn đũa nơi, và cực kỳ chánh đáng

Ái ai cũng đều có trí-tuệ, thì ai ai cũng đều hiểu thấu được cả, chỉ vì nghiệp căn mỗi người mỗi khác, mà thành ra có người hiểu thấp, có người hiểu cao, có người hiểu chính đáng, có người hiểu không chính đáng

Tóm lại thì sáu căn, sáu trần, sáu thức và cái trí-tuệ kia, Phật đều gọi là Pháp cả (chữ Pháp 法 ấy là chữ Tầu, tiếng Phạm là Dharma, dịch Âm là Đạt-ma 達磨, dùng để chỉ hết thảy mọi cái : cái lớn, cái nhỏ, cái hữu hình, cái vô hình, cái chân thật, cái hư vọng, mọi sự, mọi vật, mọi đạo, mọi lý vấn vấn, hết tuỷ đều gọi là Pháp cả).

Nghiệp của loài người có thấp có cao, cho nên Pháp cũng tùy theo mà thành ra từng bậc thấp cao, từ rười lên trên. Lên đến chỗ tuyệt đối gọi là vô thượng Pháp.

Người ta ai ai cũng muốn hiểu thấu cho hết các Pháp, chỉ vì nghiệp căn hạn chế, nên không thể được. Vì vậy, mà các nhà Đại-học-giá Âu Mỹ ngày nay, tự hào là văn-minh nhất thế giới, cũng còn phải cúi đầu chịu là : « Con người ta vốn là không hoàn toàn » L'homme est imparfait. Tuy rằng kiến văn giác tri của các nhà Học-giá ấy, đã phát-siêu ra đến cực điểm và lại còn dùng máy móc khoa-học để phát siên thêm mãi ra, nhưng vẫn không giải thoát được ra ngoài cái giới hạn sáu căn, sáu trần và sáu thức. Không biết rằng chư Phật đã chứng nhận rằng : « Con người ta vốn là hoàn toàn tuyệt », vì có trí-tuệ linh quang độc diệu, nên soi thấu hết muôn loài không sót một ly. Tuy vậy mà căn khí người ta có linh lợi, có ngu độn, nên có câu thành ngữ rằng : « Tam đẳng nhân, tam đẳng vật », nên Pháp cũng tùy căn người mà chia làm ba ; hạ căn lĩnh hạ pháp, trung căn lĩnh trung pháp, thượng căn lĩnh thượng pháp, mà Phật pháp cũng tùy căn mà tạm chia làm ba, là tiểu, trung, đại thừa, chia ra thì là ba, tóm lại vẫn là một, chỉ có nhất Phật thừa mới gọi là vô thượng Pháp.

Pháp vô thượng ấy, còn là phạm phu hay là tiểu-thánh thì không thể hiểu thấu được, không thể chứng nhận được ; chỉ có Phật cùng với chư Phật mới thấu được ; chứng được mà thôi. Hoặc có người hỏi rằng như thế thì pháp Phật ta không thể học được. chứng được tr ? — Không phải thế đâu. Pháp ấy đem ra dạy đời, bắt đầu từ kẻ phạm phu ác liệt lên đến tuiệ nhân, đến Tiểu-thánh, đến Đại bồ-tát. Giả thử có một người phạm mới đi theo đạo Phật, người ấy bắt đầu phải học sáu chữ « Nam-mô A-di-đà Phật » học cả ngày cả đêm cho thuần thục rồi dần dần đoạn ngũ tân, chỉ ngũ-giới tu thập thiện, thực hành lục độ vạn hạnh, viên mãn bồ-đề Từ chỗ Nam mô Phật đến chỗ viên mãn bồ-đề, đều là Pháp cả. Người ấy, sau khi đã học, đã tu, đến chỗ viên mãn bồ-đề, thì không còn pháp gì là không

thấu, cho nên gọi là « Chính-biến-tri », mà chỉ người ấy cùng với chư Phật biết với nhau mà thôi, chứ những người phạm khác, mới học được chữ Nam-mô Phật, vân vân, mà chưa học đến chỗ viên mãn bồ-đề, thì hiểu biết thế nào được !

Chẳng nói chi pháp Phật là pháp nhiệm mầu gồm cả tại thế-gian và xuất thế-gian, hãy nói ngay như đạo Khổng chỉ chuyên về pháp thế-gian thực-tiễn, mà cũng có chỗ Trung-dong cực tể, thì chỉ có thánh nhân mới biết được mà thôi, ngoài ra, những người có tài trí quân bình được cả thiên-hạ nước nhà ; có tiết-tháo từ bỏ được tước lộc, có dũng cảm dấn mình vào được chỗ gươm dao ; làm những việc khó khăn ấy thì được, mà đến cái lý Trung-dung thì vẫn không sao thấu được đến nơi. Ấy cái chỗ ẩn-vi của đạo, thì khó đến thế, mà cái chỗ diệu-dụng, thì lại rất dễ dàng. Kẻ ngu-phu ngu-phu cũng có thể biết được và làm được đạo Trung-dung ; nhưng đến chỗ chi-cực của đạo, thì dầu Thánh-nhân cũng có chỗ không biết được, và cũng có chỗ không làm được.

Lại ngay như khoa-học hiện thời : Nếu nói về những lý huyền diệu trong Y-học hay là Điện-học, thì chỉ có mấy ông Bác-sỹ và Kỹ-sư hiểu với nhau thôi, còn những người coi bệnh viện và thợ điện thì hiểu thế nào được ! Xong những người này vẫn biết phép trảm nom người ốm, và các máy điện.

Ấy là các pháp ở thế-gian còn có chỗ huyền diệu như thế, huống chi là chỗ vô-thượng thậm thâm trong pháp Phật, hồ dễ ở trần-gian này, ai ai cũng biết được sao !

Nay có người thấy đạo Phật suy đồi, quá lo cho Phật pháp, mà vội kêu rằng trong một vạn người theo đạo Phật, thì 9.990 người không hiểu pháp Phật là chi cả ; các vị pháp-sư truyền pháp cho các đệ-tử như tuồng hát bội ; và các báo chí Phật-học không thấy đem pháp vô-thượng mà truyền bá cho khắp cả thế-gian. Lời bình-phẩm như thế, tưởng cũng là quá đáng !

Đời nay tuy là gần mặt pháp, mà Phật pháp vẫn còn ghi ở tam-tạng thánh-giáo. Nếu ngài nào nhiệt tâm lo về Phật pháp, kíp nên tìm thầy, tìm bạn, mở sách mà học, mà tu bắt đầu từ chỗ Nam-mô Phật cho lên đến chỗ viên-mãn bồ-đề, thế là tự-giác ; rồi đem những chỗ đã học, đã tu, mà chỉ bảo cho người, thế là giác tha ; mà chỉ bảo cho hết thảy chúng-sinh không sót một ai, thế là giác hành viên mãn. Cũng như nhời Khổng-phu tử nói : « Ta học mãi mà không hề chán, dạy người mãi mà không hề mệt ». Học mãi là trí, dạy mãi là nhân, không chán không mệt là dũng mãnh tinh tiến.

Vậy ai đã là người quy y pháp, mà đã thề nguyện học hết vô lượng pháp-môn, thì phải nghiên cứu cho sâu vào trong kinh tạng, để trí-tuệ mở mang như bể. Hóa thân làm một cái « xe chở đạo-pháp thật lớn » để vận tải cho hết chúng sinh ở nơi ô-trọc, mang về Lạc-quốc. Nếu tưởng rằng chỉ học lấy một ít câu kinh, một vài bài kệ, mà tự cho là hiểu hết pháp vô-thượng rồi, thì cũng nên thương !

Các ngài có nhiệt tâm ưu thời ái pháp, dùng lời lẽ kích thích để biểu thị tấc lòng ưu ái của các ngài, thật là công đức vô lượng, nhưng chưa bằng đem thân đi mà tìm thầy học đạo, để mà tự-giác, giác tha. Hiện nay các hội đã mở trường Phật-học ; mong rằng chiêu tập được những minh-sur, lương hữu, làm cho khởi lòng tin thí thập phương. Nên Phật-học đã vững vàng, Nhân-gian tất biến thành Tịnh-độ.

Tự mình không chịu khó học, hạ mình xuống đất, để mà deo hạt giống cây, chỉ hờ hào xuống chờ người khác deo giống, thì biết đến bao giờ cho mình được ăn quả ; có phải là uổng phí một đời đã gặp Phật pháp, mà không được học, được nghe, rồi lúc chết đi lại không hỏi hận u ? Sao không nhớ sách Nho có câu rằng : « Sớm mai nghe đạo rồi mà chiều hôm chết đi là khá rồi vậy ».

Phật pháp không phải là một pháp thần kỳ quái đản gì mà không hiểu được. Phật pháp rất là giản dị ; bởi có

đơn giản nên ai ai cũng biết được ; bởi có dung dị nên ai ai cũng theo được. Phật pháp chỉ là đem cái trí-tuệ ở sáu căn mà soi suốt sáu trần cho thấu hết. Chúng-sinh (1), thế-giới (2) và nghiệp-quả (3), cả ba đều bởi sáu trần kết tinh lại mà thành ra. Nay ta đã hiểu hết sáu trần là thế nào thì ba cái chúng sinh, thế giới và nghiệp quả kia còn lần nấp vào đâu được, còn lo gì trí-tuệ ta không khám phá ra được hết. mà phải cúi đầu chịu phục là « con người ta vốn là không hoàn toàn »

Người học đạo lên đến chỗ ấy, gọi là « vô-thượng tri-giác », là « chính-biến-tri » mà là người đã lãnh thụ được « chính pháp nhơn tạng » của chư Phật

Phật pháp chia ra từng bậc cho người học đạo nơi từ dưới mà lên ; nhưng người học phải có « phát-tâm ngộ-đạo » đã, thì mới mong lên đến chỗ « cứu-cánh ngộ-đạo » được, vì rằng cái tâm sơ phát vì cái tâm cứu cánh tuy là một, mà cái tâm sơ-phát khó hơn và cần hơn.

Sơ-phát là giải, cứu-cánh là chứng, khi mới phát tâm tìm giải mà không chân-chính giác-ngộ, thì đến lúc cứu-cánh hành chứng không phải là chân chính ; chỉ là cái cứu-cánh của thiên-ma ngoại đạo dấy thôi.

Người theo đạo Phật, cần nhất ở chỗ sơ-tâm ngộ-đạo.

Ngừa mong các ngài đã quy y pháp nên bằng giây kình cần bình hương, hồi tâm nhớ lại, đồng thanh mà niệm câu « Tỳ quy y pháp, đương nguyện chúng-sinh, thâm nhập kinh tạng, trí tuệ như hải ».

Nam-mô Hộ-pháp chư thiên bồ-tát ma-ha-tát.

Văn-quang-Thụy

(1) Chúng-sinh là gồm cả 7 thứ : 1. các ông giới ; 2. các ông tiên ; 3. các quỷ thân (A-tu-la) ; 4. loài người ; 5. súc sinh ; 6. ma đói ; 7. địa-ngục.

(2) Thế-giới là gồm cả cõi giới và cõi người.

(3) Nghiệp quả là gồm cả các nghiệp thiện, nghiệp ác, nghiệp sung sướng, nghiệp khổ sở của 7 thứ chúng sinh thụ báo ở trong các cõi giới và cõi người.

TÂY - VỰC KỲ

(tiếp theo)

Lúc đầu có đủ 100 vạn bài tụng, đến hồi đầu Trụ-kiếp, Ngài Đê-thích lại lược đi, còn 10 vạn bài tụng đến đời ông Đê-la-áp-ba-nhị-ny-tiên ở nước Kiện-đà-la thuộc xứ Bắc Ấn-độ lại rút lại làm 8000 bài tụng, tức là bản đang lưu hành ở Ấn-độ bấy giờ. Gần nay xứ Nam Ấn-độ lại rút làm 2500, các nước xung quanh, đều thịnh hành lắm, nhưng những bậc học rộng thì không theo. Đó đều là những bản-tự-âm Tây-ực cả. Lại có 300 bài tụng về Tự-thê (bản thê đặt chữ) lại có 2 thứ Tự-lục (mẹo chữ), 1 thứ gọi là Giản-trạch-ca có 2000 bài tụng, 1 thứ là Ôn-na-địa, có 2500 bài tụng, ngoài ra lại có bộ Bát-giới luận, 800 bài tụng, nói qua về phép ghép chữ và thê chữ. Các Luận-ký 3y lại chia ra 2 phần « năng thuyên » và « sở thuyên ». Trong đó lại chia làm 2 tập, 1 là Đê-ngạn-đa-hạnh, có 18 văn, 2 là Tô-mạn-đa-thanh, có 24 văn. Tiếng Đê-ngạn-đa, phần nhiều dùng vào những áng văn chương trang lệ, các văn thướng cũng ít dùng. Tiếng Tô-mạn-đa thì hết thảy các văn đều dùng cả. Tiếng Đê-ngạn-đa 18 văn lại chia làm hai: 1 là Bát-la tập-mạ, 2 là A-đáp-mạt-nê đều có 9 văn, hợp lại thành 18 văn 9 văn đầu, như bàn các sự, lời mỗi sự có 3 lối nói: Về phần khác 3 ngôi, về phần mình 3 ngôi v. v. Lại còn có nhiều mẹo khác để viết văn cho được thêm trang nghiêm minh bạch nữa, có học chữ Phạm mới hiểu được. Pháp-sư học khắp hết thảy, cho nên cùng người Ấn-độ nói thanh nhã lịch sự càng khiến cho người phục thêm.

Pháp-sư nghiên cứu các bộ và học chữ Phạm, vừa đúng 5 năm, rồi đi sang nước Sạn-noa-bát-phạt-đa. Đường qua chùa Cá-bổ-đức. Về phía Nam chùa độ 2 dặm, có quả núi độc, các chót vót, bụi cây um xùm, suối nước chong vắt, hoa cỏ tốt tươi, thực là một nơi thắng địa, rất nhiều sự linh cảm. Trong

tin tưởng có bức tượng ngài Quán-tự-tại Bồ-tát bằng gỗ chàm, uy thần khác lạ, thường có hàng 2,30 người nhún ăn nhún uống hàng 7 ngày bảy 21 ngày để cầu nguyện. Người nào chí thành, liền thấy Bồ-tát, hiện tướng trang nghiêm, uy quang rực rỡ. Ở trong tượng chiếu ra, úy dụ cho người ấy và cho được như nguyện. Những sự cảm ứng đời đời rõ rệt như thế, cho nên người quy y cũng càng ngày càng nhiều lắm. Những người tôn kính ngài, sợ kẻ qua lại xem, làm ô uế đến thánh tượng, mới xây tường lan can vòng quanh cách xa tượng 7 bước, để cho người lễ, người xem cứ đứng ở ngoài, không vào gần được. Ai cũng hương hoa cũng đứng ngoài tán vào, lễ tán hoa mà chửi vào tay Bồ-tát hay đập vào vai Bồ-tát thì được điếm lạnh, được như sở nguyện.

Pháp-sư cũng muốn cầu nguyện, mới mua các thứ hương, sấu làm tràng hoa, đem đến trước thánh tượng của thành tiến lễ, rồi quỳ trước tượng Bồ-tát phát 8 điều nguyện rằng :

— 1. Ở đây học thành công rồi, được bình yên về đến nước nhà, xin cho hoa mắc vào tay ngài ;

2. Bao nhiêu phúc tuệ đã tu, nguyện được vãng-sinh lên cung Đê-sử-đa, phụng sự Từ-thi Bồ-tát, nếu được như ý, xin cho hoa mắc vào cánh tay ngài ;

3. Trong thánh giáo nói rằng : « Trong chúng-sinh có một phần không có tính Phật ». Huyền-trang còn lấy làm ngờ lắm, không biết có thực không. Nếu đều có tính Phật, tu bách có thể thành Phật cả, nguyện cho hoa này treo vào cổ ngài.

Nguyện xong, đứng ngoài tán hoa vào, đều đứng như lời nguyện cả. Được như sở cầu, vui vẻ khôn xiết. Những người cùng cùng lễ và các người trong tinh xá thấy thế đều vỗ tay múa chân nói rằng :

— Thực là một sự chưa từng thấy bao giờ ! Sau

này ngài tu thành đạo, xin nhớ đến cái nhân duyên hôm nay mà độ cho chúng tôi trước.

Từ đó đi dần, đến nước Y-lạn-noa. Ở đây có hơn 10 ngôi chùa, tăng đồ hơn 4000 người, phần nhiều học phái Tiểu thừa, theo bộ Nhất-thiết-hữu. Gần nay có ông vua nước láng giềng đánh đuổi vua nước ấy đi mà đem cả Đô-thành thí cho láng. Trong thành xây 2 ngôi chùa, mỗi ngôi có hàng nghìn vị tăng, có 2 vị đại đức: 1 vị là Nưu-lai-mật (Đạt-ta-yết-đa-cúc-đa), 1 vị là Sư-tử-hãn (Sàn-đề-tăng-ha). đều thông hiểu về bộ Tát-bà-đạ. Pháp-sư mới dưng lại một năm, để học các bộ Ti-bà-sa, Thuận chính ký, v. v.... Về phía Nam đô thành có cái tháp, tức là chỗ xưa kia Phật thuyết pháp cho thiên nhân luôn 3 tháng ở đó. Bên đó lại có di tích của 4 vị Phật quá khứ. Về phía Tây giáp sông Căng-già, có núi Tiểu-cô, tức là chỗ xưa kia Phật an cư 3 tháng, hàng phước Bạc-câu-la Dược-xoa ở đó. Dưới sườn núi phía Đông-nam có hòn đá lớn trên có vết Phật ngồi, ăn sâu xuống đá đến hơn 1 tấc, giải 5 thước 2 tấc, rộng 4 thước 1 tấc. Lại có một vết Phật để cái thùng lấm, sâu hơn 1 tấc, có vân xoáy ra xoáy vào. Về phía Nam nước ấy, có cánh rừng hoang, có rất nhiều voi to và khỏe.

V. Khởi từ nước Thiệm-ba đến đoạn vua nước

Ca-ma-lũ ba thánh sang

Từ đó đi men bờ phía Nam sông Căng-già, chuyển sang phía đông chừng hơn 300 dặm, đến nước Thiệm-ba (Trung Ấn-độ) Ở đây có 10 ngôi chùa, tăng đồ hơn 200 người, học phái Tiểu thừa. Thành xây thuần gạch, cao hơn 3 trượng, nền sâu rộng, cực kì kiên cố. Về phía Nam, cách thành hơn 30 do tuần, có rừng núi lớn, um xùm giải rặng hơn 200 dặm. Trong ấy có nhiều voi rừng, mỗi đàn hàng 2,300 cho nên 2 nước Y-lạn-noa và Thiệm-ba rất nhiều quân voi, thường sai quân tượng đến rừng ấy bắt và luyện

voi, để dùng mọi việc. Trong rừng lại có rất nhiều chó sói và báo đen, nên không mấy người dám đi. Tương truyền rằng : « Trước khi Phật tổ chưa giáng sinh, có người chăn trâu, xua đàn trâu hơn 300 con vào rừng ăn, có một con trâu lia đàn đi một mình, không biết đi về đâu, đến tối mới về, thì hình sắc bóng nhoáng, tiếng kêu khác thường, các con trâu khác đều sợ không dám lại gần. Luôn trong mấy hôm như thế, người chăn trâu lấy làm lạ quá, mấy đi theo hút thấy con trâu đi vào trong hốc đá. Đi theo vào trong độ bốn năm dặm, bỗng thấy sáng trưng, cây cối xanh tốt nhiều hoa quả lạ, khác hẳn các thú ở nhân-gian. Con trâu đi đến đám cỏ xanh ăn, sắc cỏ xanh, mùi cỏ thơm. không phải là thú cỏ của nhân gian có. Người ấy thấy các quả cây vàng ói như vàng, vừa to vừa thơm, mới hái lấy một quả, trong lòng tuy thích nhưng vẫn sợ độc không dám ăn. Một lát con trâu trở ra, người ấy cũng theo, vừa đến cửa hang, thì có một con quỷ giữ cướp lấy quả ấy lại. Người ấy về nói chuyện với một ông lang. Ông lang nói :

— Nèn dùng mưu mà mang lấy một quả ra, không nên ăn vội.

Hôm sau lại theo trâu vào, hái lấy một quả, con quỷ giữ lại ra cướp lại, người ấy đút quả vào trong miệng, bị con quỷ bóp cổ, người ấy vội vàng nuốt xuống. Quả vào đến bụng, thân liền to lớn, đầu thò ra ngoài mà thân vẫn mắc trong hang, không ra được. Người nhà đi tìm, thấy hình trạng biến khác. Ai nấy đều kinh hãi, nhưng người ấy còn nói được, mới kể rõ sự tình cho nghe. Mọi người xúm lại kéo ra, nhưng không động đậy chút nào. Vua nước ấy biết tin, sợ có vạ về sau, sai quân lính đến đảo phá, cũng không lôi ra được. Lâu dần biến ra đá, nhưng vẫn rõ hình người. Sau có ông vua biết là vì ăn quả tiên mà biến hóa như thế, mới bảo các thi thần rằng :

(còn nữa)

này ngài tu thành đạo, xin nhớ đến cái nhân duyên hôm nay mà độ cho chúng tôi trước.

Từ đó đi dần, đến nước Y-lạn-noa, ở đây có hơn 10 ngôi chùa, tăng đồ hơn 4000 người, phần nhiều học phái Tiểu thừa, theo bộ Nhất-thiết-hữu. Gần nay có ông vua nước láng giềng đánh đuổi vua nước ấy đi mà đem cả Đô-thành thì cho lãng. Trong thành xây 2 ngôi chùa, mỗi ngôi có hàng nghìn vị tăng, có 2 vị đại đức: 1 vị là Naur-lai-nạt (Đạt-tua-yết-da-cú-da), 1 vị là Su-tử-thần (Sân-đê-lãng-hà), đều thông hiểu về bộ Tát-bà-đạ. Pháp-sư mới dừng lại một năm, để học các bộ Ti-bà-sa, Thuận chính ký, v. v. . . . Về phía Nam đó thành có cái tháp, tức là chỗ xưa kia Phật thuyết pháp cho thiên nhân luôn 3 tháng ở đó. Bên đó lại có di tích của 4 vị Phật quá khứ. Về phía Tây giáp sông Căng-già, có núi Tiêu-cô, tức là chỗ xưa kia Phật an cư 3 tháng, hàng phụng Bạc-câu-la được-xoa ở đó. Dưới sườn núi phía Đông-nam có hòn đá lớn trên có vết Phật ngồi, ăn sâu xuống đá đến hơn 1 tấc, giải 5 thước 2 tấc, rộng 4 thước 1 tấc. Lại có một vết Phật để cái thùng lấm, sâu hơn 1 tấc, có vân xoáy ra xoáy vào. Về phía Nam nước ấy, có cánh rừng hoang, có rất nhiều voi to và khỏe.

V. Khởi từ nước Thiệm-ba đến đoạn vua nước

Ca-ma-lũ ba thỉnh sang

Từ đó đi men bờ phía Nam sông Căng-già, chuyển sang phía đông chừng hơn 300 dặm, đến nước Thiệm ba (Trung Ấn-độ) Ở đây có 10 ngôi chùa, tăng đồ hơn 200 người, học phái Tiểu thừa. Thành xây toàn gạch, cao hơn 3 trượng, nền sâu rộng, cực kì kiên cố. Về phía Nam, cách thành hơn 30 do tuần, có rừng núi lớn, um xùm già, rậm hơn 200 dặm. Trong ấy có nhiều voi rừng, mỗi đàn hàng 2,300 cho nên 2 nước Y-lạn-noa và Thiệm-ba rất nhiều quân voi, thường sai quân tượng đến rừng ấy bắt và luyện.

vội, để dùng mọi việc. Trong rừng lại có rất nhiều chó sói và báo đen, nên không mấy người dám đi. Tương truyền rằng : « Trước khi Phật tổ chưa giảng sinh, có người chăn trâu, xua đàn trâu hơn 300 con vào rừng ăn, có một con trâu lia đàn đi một mình, không biết đi về đâu, đến tối mới về, thì hình sắc bóng nhoáng, tiếng kêu khác thường, các con trâu khác đều sợ không dám lại gần. Luôn trong mấy hôm như thế, người chăn trâu lấy làm lạ quá, mấy đi theo hút thấy con trâu đi vào trong hốc đá. Đi theo vào trong độ bốn năm dặm, bỗng thấy sáng trưng, cây cối xanh tốt nhiều hoa quả lạ, khác hẳn các thứ ở nhân-gian. Con trâu đi đến đám cỏ xanh ăn, sắc cỏ xanh, mùi cỏ thơm, không phải là thứ cỏ của nhân gian có. Người ấy thấy các quả cây vàng ói như vàng, vừa to vừa thơm, mời hái lấy một quả, trong lòng tuy thích nhưng vẫn sợ, độc không dám ăn. Một lát con trâu trở ra, người ấy cũng theo, vừa đến cửa hang, thì có một con quỷ giữ cướp lấy quả ấy lại. Người ấy về nói chuyện với một ông lang. Ông lang nói :

— Nền dùng mưu mà mang lấy một quả ra, không nên ăn vội.

Hôm sau lại theo trâu vào, hái lấy một quả, con quỷ giữ lại ra cướp lại, người ấy dứt quả vào trong miệng, bị con quỷ bóp cổ, người ấy vội vàng nuốt xuống. Quả vào đến bụng, thân liền to lớn, đầu thò ra ngoài mà thân vẫn mắc trong hang, không ra được. Người nhà đi tìm, thấy hình trạng biến khác. Ai nấy đều kinh hãi, nhưng người ấy còn nói được, mới kể rõ sự tình cho nghe. Mọi người xúm lại kéo ra, nhưng không động đậy chút nào. Vua nước ấy biết tin, sợ có vạ về sau, sai quân lính đến đào phá, cũng không lôi ra được. Lâu dần biến ra đá, nhưng vẫn rõ hình người. Sau có ông vua biết là vì ăn quả tiên mà biến hóa như thế, mới bảo các thi thần rằng :

(còn nữa)

得度生老病死之岸，永離憂悲苦惱之海，所生之處，
恒遇諸佛，善知識會，不遇惡緣。

爾時世尊告長者父母宗親知識及諸大眾，汝等會
見有生不老不病不死者，不是諸人等，白佛言：世尊，
未曾見也。佛復告諸大眾，汝等欲離生老病死憂悲
苦惱者，莫復念是恩愛之縛，標心正見，歸命三寶，所
以者何？於諸世間，無過佛者，能導愚癡盲冥之眾，於
諸商主及諸醫王，有相好中，無與佛等，所以然者，如

來身者，卽是藥王佛所說法，卽爲良藥。爾時世尊卽說偈言。

十方世界中，生者無不死，生死往來道，唯法能除滅。
無有十方利，命終能濟者，唯佛能除斷，是故歸命佛。
佛復告大眾，汝等云何知名爲死，諸人答言：不知世尊。
佛告大眾，殺生偷盜邪淫妄語兩舌惡口綺語嫉妬，
恚癡若人行是十惡，名之爲死。佛復告大眾，若人違逆，
不順父母，不行正法，不敬沙門，梵志及諸耆宿，

PHẬT THUYẾT TU-MA-ĐỀ TRƯỞNG-GIÀ KINH

(tiếp theo)

HÀN

Nhĩ thời Thế-tôn cáo trưởng giả tử phụ mẫu tôn thân tri thức, cập chư đại chúng ; Nhữ đẳng hội kiến, hữu sinh bất lão bất bệnh bất tử, giả phủ ? Thị chư nhân đặng bạch Phật ngôn : Thế-tôn ! vị tăng kiến giả, Phật phục cáo chư đại chúng : Nhữ đẳng dục li sinh lão bệnh tử ưu bi khổ não giả, mạc phục niệm thị ân ái chi phọc, tiêu tâm chính kiến, quy mệnh Tam-bảo, sở dĩ giả hà ? ư chư thế gian, vô quá Phật giả ; năng đạo ngu si minh minh chi chúng, ư chư hương chủ, cập chư y vương, hữu tướng hảo trung, vô giữ Phật đẳng. Sở dĩ nhiên giả, như lai thân giả, tức thị được vương ; Phật sở thuyết pháp, tức vi lương được. Nhĩ thời Thế-tôn, lược thuyết kệ ngôn :

Thập phương thế giới trung,	Sinh giả vô bất tử.
Sinh tử vãng lai đạo,	Duy pháp năng trừ diệt.
Vô hữu thập phương sai,	Mệnh chung năng tế giả.
Duy Phật năng trừ đoạn,	Thị cố quy mệnh Phật.

VIỆT

Bấy giờ-Phật bảo cha mẹ họ hàng bè bạn con ông trưởng giả và đại chúng rằng : Các người có thấy người nào sinh ra mà không già không ốm không chết không ? Mọi người đều bạch rằng : Bạch đức Thế-tôn, chúng con chưa từng thấy bao giờ. Phật lại bảo đại-chúng rằng : Các người muốn thoát khỏi những nỗi sinh, già, ốm, chết, lo thương, khổ, não, thì đừng có nghĩ đến cái dây ân ái nó chối buộc ấy, mà hồi tâm chính đạo, đem cả tính mạng quy về với Tam bảo. Sao vậy ? — Vì trong thế-gian, không đâu hơn Phật nữa. Phật hay chỉ đường dẫn lối cho kẻ ngu si lòa lối. Đối với

các chủ nhà buôn, các ông vua thuốc, trong hàng tướng tối không ai sánh bì với Phật được. Sao thế ? — Vì rằng cái thân Như-lai tức là vua thuốc ; những phép Phật nói, tức là thuốc hay. Lúc đó đức Thế-tôn lại nói một bài kệ rằng :

Khắp trong cõi đời mười phương,

Có sinh có tử khôn đường thoát qua.

Muốn cho liệt tử vào ra,

Chỉ có phép Phật mới trừ được thôi.

Lại trong khắp mười phương trời,

Ai là cứu nổi cái đời chết kia,

Duy Phật mới trừ được đi.

Cho nên mới phải quy y Phật đả.

HÁN

Phật phục cáo đại chúng : Như đấng vân hà, trí danh vi tử, chư nhân đáp ngôn : bất tri. Thế tôn ! Phật cáo đại chúng, sát sinh, thù hận, tà dâm, vọng ngữ, lưỡng thiệt, ác khẩu, ý ngữ, tật đố, khuê si. Nhược nhân hành thị tập ác, danh chi vi tử. Phật phục cáo đại chúng, nhược nhân vi nghịch, bất thuận phụ mẫu, bất hành chính pháp, bất kính sa môn, phạm chi, cập chư kỳ túc.

VIỆT

Phật lại bảo chúng rằng : các người có biết thế nào gọi là chết không ? Đại chúng cùng bạch rằng : Bạch đức Thế-tôn, chúng con không biết. Phật bảo đại chúng rằng : Người nào làm mười điều ác ; sát sinh, trộm cướp, tà dâm, nói sâng, nói hai lưỡi, nói độc ác, nói thù hận, ghen ghét, đố kỵ tức ngu si, thế là người chết ; Nếu người nào ngang trái, không hiểu thuận với cha mẹ, không làm chính pháp không kính các thầy sa môn, phạm chi và các bậc kỳ túc (người tu tui cao đức trọng) ~

(còn nữa)

毘尼香乳記

TÌ NI HUƠNG NHŨ KÝ

Bài ký Tì-ni hương-ký

寶花山, 弘戒, 比丘, 讀體彙集

Bảo-hoa-sơn, Hoằng giới, Tì-khiêu, Độc-thê vị tập,

(Núi Bảo-hoa, chùa Hoằng-giới, giới Tì-khiêu

tên là Độc-thê soạn chép)

LỜI NÓI ĐẦU

Nguyên rằng : Phật với chúng sinh thì vẫn chung một diệu tâm chân tịnh, nhưng Phật thì dụng tâm thuần thiện mà chúng sinh thì dụng tâm bất thuần thiện, đã bất thuần thiện, tất phải tạo ác, đã tạo ác, tất phải chịu nghiệp khổ, vì vậy Phật phải đem một tâm lòng từ-bi mà lựa theo cái nghiệp báo dày mỏng của chúng sinh mà nói ra kinh điển, có cao, có thấp nhưng chung quy chỉ là cái phương thuốc để cứu khổ cho chúng sinh đó thôi kinh điển tuy nhiều nhưng tóm lại chỉ có hai giáo : một là Hiền giáo, hai là Mật giáo, Hiền giáo là để nói rõ các sự lý tôn thú, mà Mật giáo là để tông trì (tóm giữ) cả sự lý tôn thú vì vậy kinh nào về sau cũng có các bài thần chú, Kinh cũng như các bộ phận trong người, mà Chú cũng như con tâm. Tâm tức là ông vua, mà các bộ phận là bách quan, hai bên đều phải nương nhờ nhau thì mới trị an được.

Ngài Độc-thê Tổ sư nghiên cứu trong Phật học mà soạn ra bộ Tì-ni hương-nhũ này, thủy chung có tới gần năm mươi bài Hiền chú (1) và Mật chú (2) để làm

(1) Hiền Chú : - Hiền chú là những bài kệ bằng tiếng chữ Nho, mà sau không có bài bằng tiếng chữ phạn tự

(2) Mật Chú : - Mật Chú là những câu đọc bằng tiếng phạn tự như những câu bắt đầu đọc chữ « Ứm » v.v.

một phương thuốc trị bệnh thân tâm, rất là thần hiệu. Nói về lợi riêng thời ai trị tụng sẽ được Chủ thần hộ trì, mà lại là một phương pháp vệ sinh (1) rất quý báu nữa. Nói về phần lợi chung thì bài chú nào cũng có cầu nguyện cho hết thầy thế giới chúng sinh, thật là một pho sách ít ỏi mà đầy đầy những lời chỉ từ-bi bác-ái, lợi kỷ, lợi tha vậy. Xin theo lần lượt mà biên dịch ra để làm của báu chung. duy chỉ có ít bài như phép mặc áo Cà-xa, cầm gậy Tịch-trượng vân vân, là riêng bên xuất gia trị tụng thời, xin quý ngài chú ý cho rằng : phải học cho kỹ càng chữ nghĩa để trị tụng mà tưởng niệm, dấu khi việc hấp tấp (2) đến đâu đi nữa, cũng không nên bỏ, thì mới thấy hiệu nghiệm mà người trị trai thì càng hiệu nghiệm hơn. Như kinh Pháp hoa nói : « Thân tâm thanh tịnh tụng tri, thì mắt tai, mũi, miệng, vân vân, đều có tám trăm công đức », Ôi ! mắt, tai, mũi, miệng của ta quý báu lắm thay, Còn về phần sự phân lý và phần trưng tin sửa các chủ chỉ xin theo nguyện văn mà trích dịch đại ý thời, còn ngài nào muốn biết hoàn toàn, xin xem toàn thư chữ nhỏ. Xin phát nguyện rằng : Những bài kệ và bài Chú thời tra khảo tường tận, còn về phần giảng bản, xin hi xá cho là học non, trí kém, thì tôi được mong chiêm công đức vô cùng.

**Nam mô Mật-tịch Kim-cương thường
đương Ứng-hộ Bồ-tát**

(1) Phương pháp vệ sinh : - Như đi, đứng, nằm, ngồi, ăn, uống, tắm, gội, v. v. đều có thần chú cả.

(2) Khi vội : - Mỗi một việc là một chú, khi vội đến đâu cũng không nên bỏ. Chú mà thiêng là do ở tâm chuyén tri.

TÀO GIÁC CHỨ 早覺咒

(Chú đọc về buổi sáng mới dậy ngồi đọc ngay rồi sẽ dùng dạy đi).

睡 眠 始 寤, 當 願 衆 生.
一 切 智 覺, 周 顧 十 方.

Diễn âm. - Thủy miên, thủy ngụ, đương nguyện chúng sinh,
Nhất thiết tri giác, chu cố thập phương.

Dịch nghĩa : - Ngủ nghỉ mới tỉnh, nên mong chúng sinh Một thấy tri giác, khắp soi mười phương.

Phần sự - Người ta khi ngủ thì tinh thần tụ hội cả ở nơi ý thức (tâm hồn) nên tâm hồn bị mờ mịt, mà ngũ quan (1) cũng bị lối tăm, nên cổ nhân nói : « Khi nằm ngủ mắt nhắm thần đóng » là thế. Khi tỉnh thì tinh thần lại chia ra cả ngũ quan, ngũ quan ở trong chưa đối với cảnh tượng ở ngoài, nên chưa phát khởi ra lối nghĩ bồi rồi, chênh lệch, tức là « Tri giác » khôn thiêng của ta có thể soi khắp cả mười phương ; Ta nên cầu nguyện lúc nào cũng nuôi được tâm thần như vậy, dù đến khi trăm công nghìn việc thúc giục, cũng chỉ đưa cái trí khôn sáng ấy ra mà sử đoán, chứ không phải phiền não với nó ; Đến như Phật tử mà còn phải ngủ là theo cái luật chú dạ, động tĩnh, như tu luyện được cái chân trí thường chụ, thì dù có ngủ cũng không bị mờ mịt lối tăm như người không tu khi tỉnh thời hàm dưỡng chân trí, khi động thì đem chân trí ra mà soi sét, thấy chúng sinh phải cái nghiệp vô minh che lấp mất cả chân tĩnh, mờ mịt trong vòng ác nghiệp, nên ta phải nguyện cầu cho chúng sinh chóng tỉnh ngộ mà tu chứng được chân trí như ta vậy.

Phần lý : Đem bốn câu ở bài « Hoàng thệ » ra mà so sánh ; thì câu đầu sánh với câu : « Pháp môn vô lượng thệ nguyện học », câu thứ hai sánh với câu :

(1) Ngũ-quan tức là : Mắt, mũi, tai, mồm và loạn thân.

« Chúng sinh vô lượng thế nguyện độ », câu thứ ba sánh với câu : « Phật đạo vô lượng thế nguyện thành » câu thứ tư sánh với câu « Thiền nào vô lượng thế nguyện doan ».

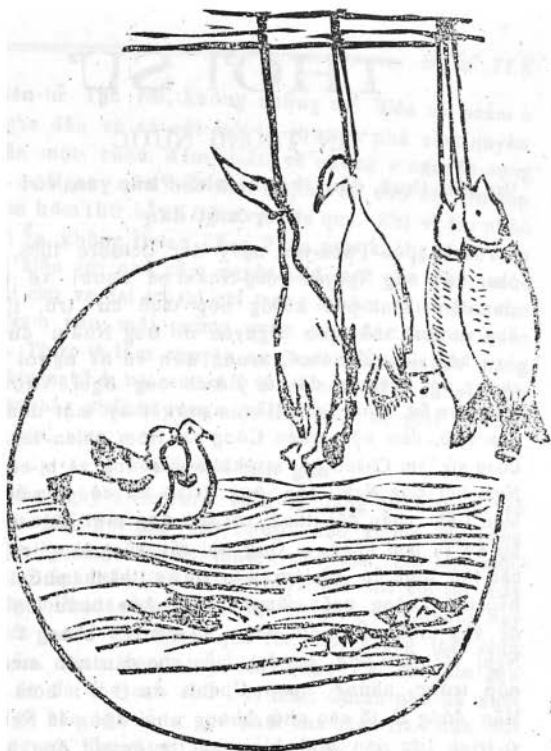
Các vị bồ tát phát tâm, chẳng hề bỏ rời bốn câu nguyện ấy, mà ta tụng niệm bài chú này tức là tụng niệm bài « Hoằng thế » của Bồ-tát, nếu ai chuyên đọc được thì miệng mình cũng thành như miệng Phật, mà bài chú nào cũng so sánh như thế, từ các chú sau không phải giảng ý ấy nữa.

Phần trùng tin : — Kinh Fī ni-mūḥ nói : Khi Phật còn hiện tại, thần Hộ pháp là Kim cương Lực sĩ thấy các vị Phật tử lười biếng trễ nải chỉ say mê ngủ nghỉ, không chịu hành đạo, ngài bèn hiện thân phẫn nản với các vị Phật tử tinh tiến rằng : « Kia như đức Phật tổ Thích-ca, trải biết bao nhiêu kiếp tu hành khổ hạnh mới được thành Phật mà các vị Phật tử chỉ say mê ngủ nghỉ, không chịu hành đạo thì giải thoát sao được ». Các vị Phật tử đem ngay chuyện ấy lên bạch Phật, Phật cho gọi các vị lười biếng kia lên mà bảo rằng : « Mười phương đản chủ, vì tin các ông là người tu đạo, có phúc mà đem đến cúng dàng để cầu phúc, thế thì phải chăm chút hành đạo, mới đem phúc mà trả nợ thập phương được, đừng nên lười biếng, mà phải mang nợ về đời sau ».

Xem đây thì Phật chỉ nói có một ý, nhưng ta nên suy sẽ rộng ra, thì đủ thấy Phật dạy cả người tại gia rằng : « Nếu không lo làm hết bốn phần mà đến đáp những người có ân nghĩa với mình thì mai sau lại phải đem thân mà trả nợ cho mọi người. Các Phật tử có Gia đình, có Xã hội nên nghĩ lắm thay !

Sa-môn : TỔ LIÊN





GIỚI SẮT

Ngày xuân dầm ắm gió hòa,
Thung thăng trống gậy đi ra vườn ngoài.
Trên sông đôi vịt đua bơi.
Thung thăng đàn cá giữa vời nước trong.
Đường đời nguy hiểm vô cùng,
Vui chi mà dám sinh lòng đua vui,
Sáng mai bị lưới chài vây.
Bắt đem treo cổ ở nơi chợ chiều.
Nghĩ thân dao thót kề bên,
Nỗi thương nước mắt càng thêm chan hòa,
Tiểu học sinh Thanh Nhâm

THỜI SỰ

TIN TRONG NƯỚC

Vụ xin thuế dân thành phố Phúc-yên với người thay mặt dân

Tòa án tỉnh Phúc-yên, ngày 1er Octobre 1938, đã xử phạt bọn ông Nguyễn-trọng-Nhâm ba người về tội xúi giục dân thành phố không nộp thuế cư trú, tiền nóc nhà và thuế thổ-trạch Nguyễn do ông Nhâm đứng làm đơn kêu xin giảm thuế, trong đơn có 82 người ký, và chường nói việc ấy đã nói ý kiến ông Nghị Vương-Mão rồi. Đơn ấy, ông nghị Mão, người thay mặt dân được dân nhờ, đem nộp quan Công-sứ. Hôm phiên toa, quan Công-sứ làm Chánh án, sau khi hỏi chúng và bị-cáo xong, Ngài hỏi ông Nghị Mão : ông trình tôi có bọn hợp định biểu tình phản đối thuế rồi sau ông mới đưa đơn của họ ký ra làm bằng. — Ông nói rất bằng lòng việc đánh các thứ thuế đó để làm máy nước thành phố. — Ông bảo nếu không ngăn cấm, họ sẽ kéo nhau lên tòa Sứ để kêu thuế. Ông có nhận ba điều ấy không ? — Ông Nghị Mão nói ông là đại biểu cho dân nên mang đơn nộp trước, nhưng quan Chánh án nói : hôm ấy ông Mão đứng là tố cáo chứ không phải đứng là Nghị-viên, vì trình việc dân định biểu tình trước rồi ông mới thò đơn ra. Ngài tuyên bố rằng : ông Nghị Mão ăn ở hai lòng, nhưng vì không đủ bằng cứ nên miễn tố Còn ông Nhâm bị 4 tháng tù, 100\$ phạt và 2 năm quản thúc, 2 ông nữa nhẹ hơn

Anh hàng tương đòi làm Hoàng-đế nước Việt nam

Theo báo Công luận, một người là Nguyễn-ngọc-Dự, 40 tuổi, quán Bắc-kỳ, chủ một cửa hàng bán tương « hiệu Phật-dà » ở Saigon, bỗng đứng ra đòi làm Hoàng-đế nước Việt-nam. Hôm vừa rồi, Dự tự xưng là « Chân mạng đế-vương » và lấy biệt-hiệu là « Tư-thiền » nói lại

là Thiên-tử Thế rồi, không những nói diên nói nhảm ở nhà, nghe đâu va có gửi một lá thư lên nhà cầm quyền, yêu cầu một cuộc đàm luận về những « nguyên-vọng cao xa ». Nghe như nhà cầm quyền đã cho đòi Đur lên hầu đêm hôm thứ bảy 1 Octobre vừa qua. Khi về Đur phàn nàn vì va không thông tiếng Pháp nên không đạt thấu được ý kiến với nhà cầm quyền. Va nói nếu giao nước Nam lại cho va cai trị thì chỉ trong 3 năm va sẽ làm cho nước Nam nên một cường quốc như các cường quốc Âu mỹ. Thực là lắm chuyện nực cười. Ý hẳn bác hàng tương kia nghĩ ở cái xứ chữ S này còn hiểm chuyện tức cười nên bác phải bày ra một trò cười để giải trí cho mọi người.

Dân đói xin gạo

Bắc-liêu, ngày 2 Octobre 1933, tại làng Định-thành có một đám dân đói gần 100 người kéo xuống mé sông bao vây lấy một chiếc thuyền chở lúa. Tin cấp báo, quan chủ tỉnh Bắc-liêu là M. Larivière tới nói thì mấy người đại biểu dân đói phản trần rằng : « Mấy tháng nay chúng tôi nhịn đói khát quá rồi, nay không thể chịu được nữa. Định kéo nhau lên quận Cà mau xin gạo ăn cho đỡ đói ». Quan chủ tỉnh nói : Chính-phủ đã xuất ra một số bạc lớn mua gạo phát cho dân. Dân dân đói thưa rằng có, nhưng chỉ được vài bữa rồi vẫn đói. Đi làm không ai mướn, thành ra bị nhịn đói luôn, có ngày không được một bữa. Sau quan khuyên đói vui lòng về nhà cá, Nhưng cũng có 6 người phải bắt là cầm đầu sui dân đói xin gạo.

Lại ngày 4 Octobre cũng tại hạt Bắc-liêu một đám dân đói vừa Annam vừa Thổ, già trẻ, gái trai đủ cả, trên một ngàn người ở các làng bơi xuống đến đầu gân dinh quận rồi mấy người đại-biểu cầm đũa đưa bọn dân đói vào kêu xin. Họ làm ồn ào, ông cô cho lính giữ trật-tự. Trước còn xô-xát sau lính đuổi đánh họ té nhào xuống sông, đàn bà trẻ con ngoi ngóp, coi rất thảm,

quan lại phải cho người xuống sông cứu vớt, chở người bị thương vào nhà thương, anh em dân đói kêu la ầm cả châu thành, người ta rất xôn xao. Sau quan chủ lĩnh về điều đình nhưng chữa xong. Thì lại có tin báo ở làng Tân lộc có đám dân đói kéo nhau toan xúc lúa của chủ điền, các quan lại phải cử viên chức lĩnh tráng đến nơi ngăn cấm.

Các tin bão lụt

Quảng-nam sau mấy tháng nắng bức quá trùng, ngày 25 Septembre nổi mưa bão to suốt ba ngày, nước lũ về ngập các đồng điền nghẽn nhiều quãng đường, sự giao thông và thư tín không đi được, thành phố Faifeo đi lại toàn bằng thuyền và thông tin đi bằng điện thoại. Cũng may Trung kỳ bồi này lúa tháng tám đã gặt rồi, còn lúa tháng mười còn « con gái » nên cũng đỡ hại.

Ở Bắc kỳ ngày 8 Octobre nổi bão to mưa lớn suốt một ngày đêm, cây cối rạp gãy, nhiều cây to bị đổ, tốc nhè, lúa đồng các hạt đang ngậm hoặc mới rở bị gió đánh nát dừ, người ta đoán vụ lúa này ở Bắc kỳ sẽ tổn hại đến nửa.

VIỆC THẾ-GIỚI

TIN ÂU-CHÂU

Lễ bang giao tại cuộc hội nghị Munich

Quốc-trưởng Đức, ông Hitler mời ba nước Anh, Pháp và Ý đến Munich quyết về việc Đức chia đất Tiệp. 9 giờ ngày 29 Septembre, ông Mussolini, Thủ-tướng Ý, sang Đức, ông Hitler ra tận biên giới Đức-Áo cũ nghinh tiếp về điện Prince Charles. Dọc đường dân Đức rất hoan nghinh. Đến 11 giờ 15 máy bay của Thủ tướng Pháp, ông Daladier tới Đức, có Ngoại-giao Tổng-trưởng Đức là Ribbentrop ra đón tiếp, dân Đức nghinh tiếp rất cung kính. Máy bay của Thủ-tướng Anh, ông cu giã Chamberlain, 70 tuổi, cũng hạ cánh sau ông Da'adier nửa giờ, cũng có Ngoại giao tổng trưởng Đức là Ribbentrop ra hoan nghinh

Hai ông Đại biểu Anh, Pháp đều được mời về hai khách sạn.

Hội nghị họp ở biệt thự Koenigstierherplatz của Đức 12 giờ 25, ông Daladier tới nơi biệt thự thì đã thấy ông Hitler và ông Chamberlain ra đón. Bốn vị đại biểu cùng họp Hội nghị.

Luộc tranh luận đến 2 giờ chưa xong, hội nghị dùng bữa sáng ông Hitler mời một ông Mussolini cùng ăn ở điện Prince Charles.

Đoạn lại họp hội lần thứ hai, mãi tới khuya việc đã tạm yên, ông Hitler mời mời 3 vị đại biểu và nhiều nhân viên dự hội dùng tiệc. Lại đến 11 giờ 50 tối mới giải quyết xong các vấn đề Đức-Tiệp, bốn nước cùng gìn giữ hòa bình cho thế giới. Ước triệu người mừng khỏi họa chiến tranh ngay lúc này Trong Hội-nghị này bàn về việc phân chia cõi đất Tiệp mà người ta không thấy nói có đại-biểu Tiệp, Cái số phận ngẫu nhiên bé miệng, Tiệp cũng phải chịu chờ biết làm sao Âu-châu hòa hay chiến chỉ-trông mong ở cuộc Hội-nghị này.

Số phận Tiệp sau cuộc Hội-nghị Munich

Sau cuộc hội nghị Munich đã thỏa thuận, quân Đức lần lượt kéo vào các miền Sudètes ông Hitler cũng lần lượt đến mừng và an ủi dân Sudètes của Đức mới về với tổ-quốc. Nguyên những miền Sudètes đó trước vốn thuộc về Đức. Sau cuộc Đại-biến, đồng minh phạt Đức mới cắt cho thuộc Tiệp. Nền nay người Sudètes họ được về với Đức thì mừng rỡ khôn xiết. Ngày 2 octobre trở đi họ kéo cờ ăn mừng hoan hô quân Đức không biết là chừng nào. Đón rước cung kính ông Hitler như vị thánh sống, dân chúng đón đường hoan hô một lời là « vị chúa tể của chúng tôi », hai lời là « chúng tôi cảm ơn vị chúa tể của chúng tôi ». Coi vậy thì cũng là việc châu về Hợp-phố đó thôi nhưng phải có uy vũ thắng người mới làm cho châu về Hợp phố được. Lượng tình so thế, thấy dân Sudètes hoan nghinh cố quốc như thế, Tiệp và các cường-quốc tưởng cũng không nên căm tức chi lắm nữa, để phúc

cho sinh linh.

Sau khi thuận giả đất cho Đức xong. Tiếp tiếp thư của Ba lan dọa-nạt và thúc bách, lại phải cúi đầu chịu cắt miền Tesches, nơi có nhiều dân Ba-lan ở nương cho Ba lan, những điều khoản cũng như nhận với Đức. Ngày 2 Octobre, quân Tiếp cũng đã dời khỏi miền Tesches quân Ba-lan cũng đã kéo vào đất Tiếp chiếm nhận, họ coi như quân thân2 trận về nước. Dân Ba lan ở đấy hoan nghinh rất dữ, trên không có rất nhiều tàu bay trợ uy cho quân kéo vào. Cũng ngày 2 Octobre ông Tổng-trưởng ngoại giao Tiếp đã trao bản công điệp cho Hung-gia-li về việc đòi đất nơi dân thiểu số của nước ấy ở

Trong bản bộ Tiếp có hai dân tộc là dân-tộc Tiếp khác và dân-tộc Slovaquis, nay nhân việc nước bối rối, dân Slovaquis cũng xin tự trị mà vẫn thuộc một chính phủ Tiếp thống trị. Tin ngày 4 octobre, chính-phủ tuy chưa cho dân Slovaquis được toàn quyền nhưng cũng đã nhận cho vài điều.

Tiếp vốn thân Nga ý thể Anh, Pháp mà bảo toàn độc lập, nay người Tiếp thấy thế cô bị ức ở Hội nghị Munich họ lấy làm oán trách Gió chiều nào che' chiều ấy, họ định thay đổi phương trâm kết giao. Tin ngày 6 octobre ở Prague nói ông Chvalkovsky, Tổng-trưởng ngoại giao Tiếp có ý định nhận chức sẽ sang thăm ngay Berlin tìm cách thân Đức. Ông này vừa thương thuyết với ông Mussolini ở Ý về. Thế là Tiếp quay về mặt Đức, Ý mà bỏ cả các thầy bạn cũ.

Hai nghị viện Anh, Pháp với cuộc nghị quyết Munich

Tiếng hoan hô rầm rần ở những cửa hải hoàn hai phương Đông Tây bề Manche để đón rước hai vị cứu tinh, ông Chamberlain và ông Daladier chưa rút. thì lời công kích hai ông là thất sách ở hai nghị viện Anh, Pháp bỗng nổi lên như ong.

Tại nghị-viên Anh, ông Duff-Cooper, Tổng-trưởng Hải-quân, uất vì những điều kiện ở hội nghị Munich mà từ

chức và công kích ông Chamberlain ở Hạ-nghị-viện rất kịch liệt, cho ông Chamberlain là mập mờ, là tự tiện, là nhất sách, nói đến cảm rơi nước mắt ra. rồi nhiều người tiếp theo như bọn ông Atlee, ông Winston Churchill, người ta công kích ông Chamberlain có ký kết riêng với Hitler mà không cho Pháp biết, người ta cho là ông Hitler không tin được rồi người ta cho là Aub, Pháp hoàn toàn thất bại rồi, người ta chất vấn ồm ồm

Ở Hạ Nghị-viện Pháp thì không khí êm hơn Ông Daladier xin hoãn việc chất vấn mà bỏ phiếu, chỉ có ông Gabriel Péri Nghị-viện cộng-sản công kích bản hiệp định Munich là một sự hàng phục, còn đều tán-thành được 535 phiếu thuận bằng 75 phiếu nghịch.

Hai ông Chamberlain và Daladier đều phải hết sức rầy bầy việc hội-nghị Munich là chỉ vì tính mệnh ức triệu sinh linh nên ở Hạ nghị viện Aub cũng như ở Pháp. Hai ông đều được đa số còn tin nhiệm. Sự quốc phòng của hai nước cũng không phải tin ở lời hòa bình tại hội-nghị Munich mà trẻ-nãi,

Ta lấy bình tình mà xét thì, phải công kích kia, ý cho rằng Aub, Pháp mà nhường Đức chiếm Tiệp, được dâng chân sẽ lần đầu đầu, thế lực lớn lên Đức còn đòi nhiều cái khác nữa, như đòi thuộc địa cũ hoặc đòi chia thuộc địa thì sẽ nguy cho hai nước cường quốc. Song hai ông Thủ tướng nọ bá không nghĩ lời nói ấy đâu. Lời nói về sinh mệnh nhân loại mà các ông phải xếp yên việc Đức Tiệp, cố nhiên là một cơ. Nhưng thực ra còn vì nhiều cơ khác nữa. Những cơ rõ ràng là, tuy Anh và Pháp là hai nhất đẳng cường quốc ở đời nay, nhưng bên kia, cái bé Đức và Ý cũng chẳng kém gì. Đức tuy thua xất về hải-quân, nhưng từ sau cuộc đại-chiến. Đức bị mất hết thuộc địa, tất họ đã thuê cái kỹ tự cung cấp lấy ở trong, chứ còn mong gì ở ngoài tiếp tế vào. Phương chi lại có Nhật là đẳng viện ở Á-đông. Quân đội Đức mượn cơ tập trận đã huy động ra cả biên thù, quân đội Nhật đang chiến-tranh với Tàu, khắp mé tây bắc Thái bình-dương, chỗ

nào cũng có hải lực không quân của Nhật bao vây, tay ba kẻ cướp, đang nhắm cả ở trước cửa mấy nhà giàu Anh Pháp ngòi nổ đầu đấy đều đã yểm sẵn, chỉ chờ trảm lửa mà thôi. Nếu việc Đức Tiệp không êm lửa chiến tranh tất bùng ngay lên ở Âu-châu. Giây dưa họa-hại chưa biết đến đâu, mà Hương cảng' và Hồng-dương là hai nơi căn-cứ thế vị của hai nước tại Đông-dương xa-cách kia khó còn đủ lực-lượng mà bảo-toàn cho kịp được. Hai ông tất cũng thấy rõ chỗ đó, nên đành hi-sinh đất Tiệp, tạm rập ngôi lửa chiến-tranh. Trong khi con hổ Hitler đang đắc-chí miêng mồi kẻ miêng, các ông dù có thì giờ ma xoay-xở thời-thế. Như vậy thì hai ông đều là tay kinh-bang đại trí, chứ không phải là heo nhát vậy. Tưởng dẫu hai nước cũng nên thế nhận.

Việc Trung - Nhật chiến tranh

Thủy quân Nhật đã rút ở Vịnh Bắc-kỳ

Cuối Septembơ vừa rồi, thấy tình thế Trung-Âu nghiêm trọng. Nhật huy động Thủy-quân về miền Hải-nam và vịnh Bắc-kỳ để đương tranh thế làm đảng viện cho Đức. Nay cục diện Đức Tiệp đã êm, Nhật đã rút thủy-quân ở vùng này về Đông-sa-đảo mé đông Hải-nam.

Quân Nhật đã bỏ trường bay Vi-châu

Nhật lấy đảo Vi-châu gần Bắc-bãi (Quảng-đông) làm trường bay. Do trường bay này, quân Nhật đã cho tàu bay ném bom vào tỉnh Quảng-tây. Hai lần lên ném bom vào tỉnh Quảng-tây. Hai lần lên ném bom xuống Vân-nam. Lần trước ba chiếc, lần sau 9 chiếc. 9 chiếc lần sau bay vào ngày 28 Septembơ bị máy bay Tàu hạ được 3, còn 6 chiếc ném bom xuống trường bay Tàu. Tàu có 14 chiếc phi-cơ để dưới đất thì 8 chiếc bị phát hỏa. Đoàn phi-cơ khu-trục đến đánh đuổi, 6 máy bay Nhật tráy trốn. Người Pháp và người Việt-Nam ngu ở Vân-nam ai không có việc cần, ngày hôm sau đều được công ty hỏa-xa đưa về Bắc-kỳ lánh nạn. Nhưng nay Nhật đã bỏ đảo Vi-châu giữ cả vật-liệu làm trường bay đem đi (tin Tàu).

Việc làm chùa Hội-quán Trung-wong

Theo biên bản hội đồng bên tăng giới ngày 19 Octobre và biên-bản hội đồng Quan trị ngày 24 Octobre 1931, thì các hội viên trong hội đều cùng góp mỗi vị một đồng (1\$00) để lấy tiền khởi công làm chùa Hội quán.

Vậy xin đăng phương danh các vị hội viên chi hội Hanam (tiếp theo) đã cùng góp lên báo chương để các thiện-tín, thập-phương chứng giám.

Phạm thụy Sơ, Bùi thị Xuyê, Nguyễn đăng Nhung, Nguyễn thị Gi, Bùi thị Thôag, Bùi trọng Nga, Bùi thụy Đổng, Nguyễn thị Nga, Nguyễn như Thương, Nguyễn quang Lâu, Nguyễn như Túc, Nguyễn quang Phú, Nguyễn thị Côn, Vũ thị Sơ, Hồ thị Riệu.

Các vị tăng ni chi hội Thái ninh

Đông minh tự, Linh thành tự, Kinh đồng tự, Tế quan tự, Linh uyên tự, Kinh đồng đấng gia, Bình cách tự, Đông vi tự, Tự tâm Sĩ, Thiên ứng tự, Quang long tự, Tự thanh Kinh, Khai lai tự, An tiêm xã tự, Tự nguyên Truyền Tự tác: Lễ, Hóa tài tự, Lễ củ tự, Tự tục Đấng, Tự thanh nhã, Lạc sơn tự, Tự thanh Quảng, Tự thông Đương, Tự tâm Miến, Cao nghiệm tự, Tự quang Ý, Tự tinh Thông, Phúc khánh tự, Lâm khê tự, Thụ điền tự, Tự thanh Nghĩa, Lương đồng tự, Đào xá tự, Phù lưu tự, Vô xong tự, Tự thanh Hương, Lan thành tự, Tự thanh Quang, Kim xa tự, Cồ đũng tự.

Chi hội Bách-lộc

Khuất văn Môn, Nguyễn đức Khiết, Hạ thị Côi, Hạ văn Thinh Nguyễn thị Cư, Kiên thị Tánb, Hạ thị Năm, Nguyễn thị Hỷ, Dương thị Trái, Nguyễn thị Tòng, Nguyễn gia Sửu, Nguyễn trọng Ngọc, Khuất thị Duy, Nguyễn thị Toàn, Nguyễn thị Côi, Vũ văn Cáo, Nguyễn thị Bếp, Nguyễn văn Sĩ, Nguyễn duy Chư, Khuất văn Hươg, Khuất huy Đổng, Nguyễn thị Kiến, Nguyễn thị Thục, Nguyễn văn Hiêm, Nguyễn hữu Tảo, Nguyễn hữu Lan Nguyễn thị Ngoan, Nguyễn văn Hoạt, Nguyễn duy Môn, Nguyễn thị Nhân, Nguyễn duy Kiển, Kiển thị Tào, Kiển thị Hi, Nguyễn duy Bình, Nguyễn hữu Đa, Nguyễn đức Dương, Nguyễn đức Thâm.

(còn nữa)

HỢP THO

(Các vị đã trả tiền báo Đuốc-Tuệ bằng Mandat)

M. M. Hà-văn Thương Vĩ (b-long (57-82)	1\$50
Lê Trí Hào Mỹ Thọ (33-106)	1.50
Châu văn Bình Long xuyên (85-111)	1.70
Lâm văn Me Saigon (76-99)	1.50
Lê văn Lê Hưng yên (90-86)	3.00
Nguyễn văn Bình Bến tre (76-99)	1.50
Đoàn-văn-Chiêu Chợ lách (77-100)	1.50

MANDAT CỦA AI ?

Mandat : Série 024113, N° 002 — 2\$00 ở Soctrang gửi trả, có thơ kèm nhưng không nói rõ tên và chỗ ở. Vậy ngài nào gửi, xin cho biết rõ để tiện việc sổ sách, cảm ơn.

Ông ở Thái-hà ấp Hanoi — Tiếp được mandat 1.50 Série 024181 N° 038, xin quý ngài cho rõ quý danh và địa chỉ để tiện việc sổ sách, cảm ơn.

Đuốc-Tuệ

KHẨN CÁO

Kính cùng ông Nguyễn-văn Thăng phái viên cử động và thu tiền dúp bản-báo.

Sắp đến kỳ ban kế toán tính sổ sách xin ông đem hết các giấy mã về ngay cho để tiện việc sổ sách

Kính cáo các Độc giả ở Hanoi. Bắt đầu sang năm 1938, ngoài ông Nguyễn đức Chính ra, bản báo không có cử ai đi thu tiền cả xin các độc giả chú ý cho

ĐUỐC-TUỆ

Imp. ĐUỐC-TUỆ

Quản lý CUNG ĐÌNH-BÌNH